



Phụ lục I

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH HÀNG NĂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số **3494** /QĐ-UBND ngày **19** tháng **8** năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Thực hiện Phụ lục II:

1. Sở Công Thương.
2. Sở Du lịch.
3. Sở Giao thông vận tải.
4. Sở Giáo dục và Đào tạo.
5. Sở Kế hoạch và Đầu tư.
6. Sở Khoa học và Công nghệ.
7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
9. Sở Nội vụ.
10. Sở Quy hoạch - Kiến trúc.
11. Sở Tài chính.
12. Sở Tài Nguyên và Môi trường.
13. Sở Thông tin và Truyền thông.
14. Sở Tư pháp.
15. Sở Văn hóa và Thể thao.
16. Sở Xây dựng.
17. Sở Y tế.
18. Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố.
19. Ban Quản lý các Khu chế xuất và Khu Công nghiệp Thành phố.
20. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố.

II. Thực hiện Phụ lục IIA:

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.

III. Thực hiện Phụ lục IIB:

1. Thanh tra Thành phố.

IV. Thực hiện Phụ lục IIC:

1. Ban Dân tộc Thành phố.

V. Thực hiện Phụ lục IID:

1. Trung tâm xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố.
2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố.
3. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố.

VI. Thực hiện Phụ lục III:

1. Ủy ban nhân dân Quận 1.
2. Ủy ban nhân dân Quận 3.
3. Ủy ban nhân dân Quận 4.
4. Ủy ban nhân dân Quận 5.
5. Ủy ban nhân dân Quận 6.
6. Ủy ban nhân dân Quận 7.
7. Ủy ban nhân dân Quận 8.
8. Ủy ban nhân dân Quận 10.
9. Ủy ban nhân dân Quận 11.
10. Ủy ban nhân dân Quận 12.
11. Ủy ban nhân dân quận Bình Tân.
12. Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.
13. Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp.
14. Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận.
15. Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.
16. Ủy ban nhân dân quận Tân Phú.
17. Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh.
18. Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.
19. Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.
20. Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn.

21. Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè.

22. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

VII. Thực hiện Phụ lục IV:

1. Cục Thuế Thành phố.
2. Kho bạc Nhà nước Thành phố.
3. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Thành phố.
4. Bảo hiểm xã hội Thành phố.
5. Cục Hải quan Thành phố.

VIII. Thực hiện Phụ lục IVA

1. Công an Thành phố.
2. Sở Ngoại vụ Thành phố

Ghi chú:

- Các cơ quan Mục I đến Mục VI sẽ xếp hạng và xếp loại.
- Các cơ quan Mục VII đến Mục VIII chỉ xếp loại, không xếp hạng./.



Phụ lục II

Chỉ số đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính đối với sở - ban

(Kèm theo Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	75				
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	9				
1.1	Kế hoạch CCHC năm	2				
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm đúng thời gian quy định và đảm bảo chất lượng	1				
1.1.2	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong các kế hoạch	1				
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch. b là số nhiệm vụ đã hoàn thành. Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá là 0</i>					
1.2	Thực hiện báo cáo công tác CCHC	3				
1.2.1	Thực hiện báo cáo CCHC định kỳ	2				
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định</i>	1				
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo: 0</i>	0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
1.2.2	Thực hiện báo cáo đột xuất	1				
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định</i>	1				
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo: 0</i>	0				
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2				
1.3.1	Tỷ lệ các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc được kiểm tra trong năm	1				
	<i>Đạt từ 40% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc trở lên</i>	1				
	<i>Đạt từ 30% đến dưới 40% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 30% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc</i>	0				
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1				
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a)*1 + (c/a)*0.5$. Trong đó:</i> <i>a là tổng số vấn đề phải xử lý.</i> <i>b là số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý.</i> <i>c là số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành.</i> <i>Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa.</i>					
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1				
1.4.1	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua trang điện tử của đơn vị (có chuyên mục riêng về cải cách hành chính)	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
1.4.2	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác: 0.5	0.5				
1.5	Thực hiện các nhiệm vụ về CCHC được Ủy ban nhân dân Thành phố (UBND TP), Chủ tịch UBND TP giao trong năm	1				
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao</i>	<i>1</i>				
	<i>Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% số nhiệm vụ được giao</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 80% số nhiệm vụ được giao</i>	<i>0</i>				
2	Cải cách thể chế	6				
2.1	Mức độ thực hiện đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) đã được UBND TP chấp thuận, danh mục VBQPPL quy định chi tiết đã được UBND TP phê duyệt	2				
	<i>Đạt từ 80% đến 100% số văn bản được ban hành đúng quy trình và đúng tiến độ hoặc các cơ quan, đơn vị không được giao chủ trì soạn thảo văn bản theo Danh mục văn bản</i>	<i>2</i>				
	<i>Đạt từ 80% đến 100% số văn bản được ban hành đúng quy trình nhưng chậm so với tiến độ</i>	<i>1.5</i>				
	<i>Đạt từ 50% đến dưới 80% số văn bản được ban hành đúng quy trình và đúng tiến độ</i>	<i>1</i>				
	<i>Đạt từ 50% đến dưới 80% số văn bản được ban hành đúng quy trình nhưng chậm tiến độ</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Đạt dưới 50% số văn bản ban hành hoặc không đề xuất danh mục văn bản quy</i>	<i>0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân Thành phố (HĐND TP), UBND TP quy định chi tiết những nội dung được giao theo các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên</i>					
2.2	Kết quả tham mưu sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần, thay thế, ban hành mới, đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ nội dung văn bản QPPL sau rà soát	1				
	<i>Tính theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số văn bản cần phải xử lý.</i> <i>b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý.</i> <i>Trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa</i>					
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	1				
	<i>Tính theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số văn bản cần phải xử lý.</i> <i>b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý.</i> <i>Trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa</i>					
2.4	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	2				
2.4.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1				
2.4.1.1	<i>Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật</i>	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
2.4.1.2	Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật	0.5				
2.4.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1				
	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền	1				
	Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền	0				
3	Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)	17				
3.1	Triển khai nhiệm vụ cải cách TTHC	4				
3.1.1	Ban hành và thực hiện Kế hoạch kiểm soát TTHC	1.5				
	Kế hoạch đảm bảo yêu cầu về nội dung và thời hạn.	0.5				
	Kế hoạch không đảm bảo yêu cầu về nội dung, thời hạn	0				
	Hoàn thành từ 80% Kế hoạch trở lên	1				
	Hoàn thành dưới 80% Kế hoạch	0				
3.1.2	Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ: công khai TTHC, hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết; xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) về TTHC	1.5				
	Trên 80% đơn vị được kiểm tra và trên 80% vấn đề hạn chế phát hiện qua kiểm tra được khắc phục.	1.5				
	50% đến 80% đơn vị được kiểm tra và có 50% đến 80% vấn đề hạn chế phát hiện	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>qua kiểm tra được khắc phục</i>					
	<i>Không đạt tỷ lệ trên</i>	0				
3.1.3	Thực hiện Báo cáo kiểm soát TTHC	1				
	<i>Báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn</i>	1				
	<i>Báo cáo thiếu, trễ thời hạn</i>	0				
3.2	Kiểm soát quy định TTHC	1				
3.2.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	0.5				
	<i>Không trình ban hành TTHC trái thẩm quyền</i>	0.5				
	<i>Có TTHC ban hành trái thẩm quyền</i>	0				
3.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát ban hành TTHC	0.5				
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0.5				
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0				
3.3	Công bố, công khai TTHC/quy trình nội bộ/kết quả giải quyết hồ sơ	3.5				
3.3.1	Trình Công bố TTHC thuộc lĩnh vực quản lý	0.5				
	<i>Đầy đủ, kịp thời theo quy định</i>	0.5				
	<i>Không đầy đủ hoặc không kịp thời theo quy định</i>	0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
3.3.2	Trình phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực quản lý	1				
	<i>Đạt tỷ lệ 100% TTHC</i>	1				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% TTHC</i>	0.5				
	<i>Dưới 90% TTHC</i>	0				
3.3.3	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa	0.5				
	<i>Đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
3.3.4	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận trên Trang thông tin điện tử của đơn vị	0.5				
	<i>Đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
3.3.5	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên trang thông tin điện tử của đơn vị và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	1				
	<i>Đạt tỷ lệ 100% hồ sơ</i>	1				
	<i>Không đạt tỷ lệ 100%</i>	0				
3.4	Rà soát, đơn giản hóa TTHC	1				
3.4.1	Đơn giản hóa TTHC về quy trình, thời gian, thành phần hồ sơ	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Có thực hiện</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện</i>	0				
3.4.2	Có kiến nghị cải cách TTHC, kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC được chấp thuận (tại văn bản đề xuất phương án đơn giản hóa của Thành phố) (quy trình, thời gian, thành phần hồ sơ, thẩm quyền, liên thông, kết hợp TTHC/nhóm TTHC)	0.5				
	<i>Có thực hiện</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện</i>	0				
3.5	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	7.5				
3.5.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa (không bao gồm trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP)	1				
	<i>Đạt tỷ lệ 100% số TTHC</i>	1				
	<i>Dưới 100% số TTHC</i>	0				
3.5.2	Số TTHC/nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp, khác cấp	1				
	<i>Từ 10 TTHC/Nhóm TTHC trở lên</i>	1				
	<i>Từ 5 - 9 TTHC/Nhóm TTHC</i>	0.5				
	<i>Dưới 5 TTHC/nhóm TTHC</i>	0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
3.5.3	Thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết TTHC tuân thủ đúng quy trình nội bộ đã được Chủ tịch UBND TP phê duyệt	1				
	<i>Tuân thủ quy trình</i>	1				
	<i>Không tuân thủ quy trình (trừ các trường hợp đơn vị áp dụng giải pháp cải cách như đơn giản thành phần, rút ngắn thời gian giải quyết...)</i>	0				
3.5.4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	1.5				
	Giải quyết đúng hạn từ 98% đến 100% hồ sơ và không có lĩnh vực nào dưới 95% tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 1.5}{100\%}$					
	<i>Giải quyết đúng hạn dưới 98% hồ sơ hoặc có lĩnh vực dưới 95%</i>	0				
3.5.5	Thực hiện “Thư xin lỗi” trong trường hợp trả kết quả hồ sơ trễ hạn	1				
	<i>Đúng quy định</i>	1				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
3.5.6	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của các sở, ban	1				
	<i>Đạt điểm xếp loại xuất sắc</i>	1				
	<i>Đạt điểm xếp loại tốt</i>	0.75				
	<i>Đạt điểm xếp loại khá</i>	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Đạt điểm xếp loại trung bình</i>	0.25				
	<i>Đạt điểm xếp loại yếu</i>	0				
3.5.7	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc thực hiện TTHC của đơn vị	1				
	<i>100% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định</i>	1				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Dưới 90% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định</i>	0				
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	13				
4.1	Thực hiện các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành và Thành phố về tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền đô thị	2				
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	1				
4.3	Thực hiện kiểm tra, rà soát, đánh giá định kỳ tình hình tổ chức và hoạt động của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở	2				
4.3.1	Tổ chức triển khai kiểm tra, rà soát, đánh giá định kỳ	1				
4.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1				
	<i>Đạt 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	1				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Đạt dưới 80% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0				
4.4	Thực hiện phân cấp quản lý theo ngành, lĩnh vực	4				
4.4.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực do Chính phủ, Bộ chủ quản, UBND TP ban hành	1				
4.4.2	Tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực do UBND TP ban hành	1				
4.4.3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ của ngành đã phân cấp cho quận - huyện và các đơn vị trực thuộc	1				
4.4.4	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1				
	<i>Đạt 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>	1				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 80% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0				
4.5	Thực hiện ủy quyền quản lý theo ngành, lĩnh vực	3				
4.5.1	Thực hiện các quy định về ủy quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực do cơ quan cấp trên ủy quyền	1				
4.5.2	Tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định ủy quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực kịp thời	1				
4.5.3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực đã	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	ủy quyền cho quận - huyện và các đơn vị trực thuộc					
	<i>Đạt 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	1				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 80% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0				
4.6	Thực hiện sắp xếp, tinh gọn đầu mối, nâng cao mức độ tự chủ, hiệu quả của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW	1				
4.6.1	Có sắp xếp, tinh gọn đầu mối đơn vị sự nghiệp công lập (trừ những cơ quan, đơn vị không có ĐVSNCL hoặc chỉ có 01 ĐVSNCL trực thuộc)	0.5				
4.6.2	Có nâng cao mức độ tự chủ, hiệu quả của đơn vị sự nghiệp công lập	0.5				
5	Cải cách chế độ công vụ	8				
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2				
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan hành chính đã xây dựng cơ cấu ngạch và bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được Thành phố phê duyệt	1				
	<i>Đạt 100% số cơ quan</i>	1				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số cơ quan</i>	0.5				
	<i>Đạt từ 60% đến dưới 80% số đơn vị</i>	0.25				
	<i>Đạt dưới 60% số đơn vị</i>	0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp trực thuộc có cơ cấu chức danh nghề nghiệp và bố trí viên chức theo vị trí việc làm được Thành phố phê duyệt	1				
	<i>Đạt 100% số đơn vị</i>	1				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số đơn vị</i>	0.5				
	<i>Đạt từ 60% đến dưới 80% số đơn vị</i>	0.25				
	<i>Đạt dưới 60% số đơn vị</i>	0				
5.2	Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc	1				
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức	0.5				
	<i>Đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức	0.5				
	<i>Đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
5.3	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1				
5.4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	2				
5.5	Thực hiện tinh giản biên chế theo đề án được phê duyệt	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Đạt 100% kế hoạch</i>	<i>1</i>				
	<i>Đạt từ 70% đến dưới 100% kế hoạch</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Đạt dưới 70% kế hoạch</i>	<i>0</i>				
5.6	Cán bộ, công chức, viên chức tham dự các lớp đào tạo bồi dưỡng đạt yêu cầu vào cuối khóa học do Sở Nội vụ tổ chức	1				
	<i>Đạt từ 80% đến 100%</i>	<i>1</i>				
	<i>Đạt dưới 80%</i>	<i>0</i>				
6	Cải cách tài chính công	7				
6.1	Xây dựng, công khai dự toán và quyết toán tài chính hàng năm theo quy định	1				
	<i>Thực hiện đúng quy định, đảm bảo thời gian và nội dung báo cáo theo hướng dẫn</i>	<i>1</i>				
	<i>Thực hiện đúng nhưng báo cáo chậm trễ thời gian quy định hoặc báo cáo nội dung không đầy đủ chưa đạt yêu cầu</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Không thực hiện hoặc có sai phạm về công tác tài chính</i>	<i>0</i>				
6.2	Báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập	1				
6.3	Tiết kiệm kinh phí tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức	1				
6.4	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	$\frac{\text{tỷ lệ \% giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước} \times 1.00}{100\%}$					
6.5	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1				
	<i>Đạt 100% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	1				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	0.5				
	<i>Từ 80% đến dưới 90% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	0.25				
	<i>Dưới 80% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	0				
6.6	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2				
6.6.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0.5				
	<i>Ban hành kịp thời, đúng quy định quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý</i>	0.25				
	<i>100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành</i>	0.25				
	<i>Ban hành chậm trễ, không đúng quy định quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý</i>	0				
	<i>Dưới 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành</i>	0				
6.6.2	Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	0.75				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Có kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0.25				
	<i>100% cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0.25				
	<i>Đã rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công</i>	0.25				
	<i>Không kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0				
	<i>Có cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0				
	<i>Không rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công</i>	0				
6.6.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0.75				
	<i>100% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0.75				
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0.5				
	<i>Từ 60% - dưới 80% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0.25				
	<i>Dưới 60% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0				
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	15				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
7.1	Xây dựng Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh	0.5				
	<i>Ban hành đúng thời hạn</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Ban hành trễ hoặc không ban hành</i>	<i>0</i>				
7.2	Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu	1				
	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố (LGSP HCM) <i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{Điểm tối đa}$. Trong đó :</i> <i>a là tổng số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung</i> <i>b là số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối sử dụng qua LGSP</i>					
7.3	Phát triển ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ và phục vụ người dân, tổ chức	10				
7.3.1	Vận hành Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính Thành phố	2				
	<i>100% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành</i>	<i>2</i>				
	<i>80% đến dưới 100% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành</i>	<i>1</i>				
	<i>Dưới 80% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành</i>	<i>0</i>				
7.3.2	Đạt tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo Kế hoạch Cải cách hành chính năm của Thành phố	2				
7.3.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVCTT toàn tỉnh (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến) b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT toàn tỉnh					
7.3.4	Thực hiện thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công Thành phố	1.5				
7.3.4.1	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến	0.5				
7.3.4.2	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến b là số TTHC có phát sinh thanh toán trực tuyến	0.5				
7.3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	0.5				
7.3.5	Hệ thống theo dõi việc xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân thông qua Tổng đài 1022	1				
	Xử lý ý kiến của người dân, tổ chức và doanh nghiệp đạt 100%	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Đạt 100% nhưng không đảm bảo tiến độ giải quyết theo quy định</i>	0.5				
7.3.6	Đảm bảo An toàn thông tin	0.5				
	<i>Đảm bảo theo quy định</i>	0.5				
	<i>Chưa đảm bảo</i>	0				
7.3.7	Thực hiện báo cáo chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh (DTI)	1				
	<i>Số lượng báo cáo</i>	0.5				
	<i>Thời gian gửi báo cáo</i>	0.5				
7.4	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	3				
7.4.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định	1				
7.4.1.1	<i>Bản công bố được thông báo bằng văn bản đến Sở Khoa học và Công nghệ</i>	0.5				
7.4.1.2	<i>Niêm yết tại trụ sở cơ quan và công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định</i>	0.5				
7.4.2	Thực hiện áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định	2				
7.4.2.1	<i>Có ban hành Kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 và có bằng chứng về (1) phân tích bối cảnh, (2) nhận diện, đánh giá, xử lý rủi ro và cơ hội của năm đánh</i>	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>giá</i>					
7.4.2.2	<i>Có ban hành Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng, Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng và Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng của năm đánh giá</i>	0.5				
7.4.2.3	<i>Thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ và họp xem xét lãnh đạo theo yêu cầu của ISO 9001:2015 trong năm đánh giá</i>	0.5				
7.4.2.4	<i>Thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp của ISO 9001:2015 sau đánh giá nội bộ, xem xét lãnh đạo và theo biên bản kiểm tra, giám sát của Đoàn kiểm tra (nếu có)</i>	0.5				
7.5	Phối hợp xây dựng, vận hành hệ thống thông tin báo cáo	0.5				
	<i>Có thực hiện</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đảm bảo theo yêu cầu</i>	0				
II	ĐIỂM THƯỞNG, ĐIỂM TRỪ TRONG CÔNG TÁC CCHC (Điểm cộng tối đa 05 điểm. Riêng điểm trừ sau khi trừ hết 05 điểm, sẽ tiếp tục trừ điểm vào điểm tổng để phân loại, xếp hạng)					
1	Điểm thưởng	+ 5				
1.1	Đánh giá, nhân rộng và thực hiện hiệu quả sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC của cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc hoặc sáng kiến của cơ quan được UBND Thành phố, BCĐ CCHC Thành phố công nhận	+ 1				
1.2	Giải quyết TTHC sớm hạn 30% hồ sơ TTHC của đơn vị	+ 1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
1.3	Đạt giải của Giải thưởng Sáng tạo Thành phố trong năm đánh giá	+ 1				
1.4	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC (thực hiện đầy đủ 04 nội dung): - Đề nghị thay đổi thành viên BCD CCHC Thành phố (đối với cơ quan là thành viên BCD CCHC TP); báo cáo thay đổi thành viên BCD và đề nghị cung cấp mật mã sử dụng Hệ thống quản lý công tác CCHC Thành phố (tất cả các cơ quan) kịp thời. - Kiện toàn BCD CCHC của cơ quan, đơn vị kịp thời. - Tổ chức họp BCD CCHC của cơ quan, đơn vị đầy đủ (ít nhất 04 kỳ/năm). - Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác CCHC và có khen thưởng cá nhân, tập thể.	+ 1				
1.5	Đơn vị được lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP khen thưởng, biểu dương về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức/Đơn vị, công chức, viên chức thực hiện tốt các nội dung quản lý, tiếp công dân được báo đài và các phương tiện truyền thông đăng tải biểu dương	+ 1				
1.6	Phối hợp tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC	+ 1				
1.7	Các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố thuộc phạm vi phụ trách có số điểm tăng so với năm trước liền kề (mỗi nội dung tăng hoặc giữ nguyên điểm của năm trước liền kề (đối với nội dung số điểm đã đạt tối đa) được cộng thêm 0,2 điểm nhưng tổng cộng không quá 2 điểm). (Áp dụng đối với các sở, ban, ngành có trách nhiệm quản lý ngành, lĩnh vực có tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố như: Văn phòng UBND TP, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư...)	+ 2				
1.8	Phối hợp chuyển giao TTHC cho đơn vị Bưu chính công ích tiếp nhận và trả kết quả	+ 1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	(Mỗi lĩnh vực TTHC được cộng 0.5 điểm và tổng cộng không quá 01 điểm)					
1.9	Các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố thuộc phạm vi phụ trách được các cơ quan trung ương đánh giá là mô hình sáng kiến, trực tiếp góp phần nâng số điểm hoặc tăng vị trí so với năm trước liền kề (mỗi nội dung tăng được cộng thêm 0,2 điểm nhưng tổng cộng không quá 1 điểm).	+ 1				
1.10	Thực hiện tốt 02 yêu cầu về công tác kiểm tra đột xuất: - Kiểm tra đột xuất về CCHC (tối thiểu 10% đơn vị); - Kiểm tra đột xuất về công vụ, việc thực hiện quy tắc ứng xử (tối thiểu 10% đơn vị/quý).	+ 1				
1.11	Hàng quý gửi ít nhất 01 bài viết/mô hình/sản phẩm tuyên truyền hiệu quả về công tác CCHC, cải cách TTHC về BCĐ CCHC Thành phố (cchc.snv@tphcm.gov.vn) (mỗi quý cộng 0.25 điểm).	+1				
1.12	Xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua chủ đề về CCHC; triển khai, đánh giá, khen thưởng và đề xuất khen thưởng	+ 1				
2	Điểm trừ					
2.1	Chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả đối với các nội dung bị trừ điểm trong đánh giá chỉ số CCHC của năm trước	-2				
2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC không đúng thời hạn quy định	- 1				
2.3	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC chênh lệch quá 3% so với điểm thẩm định	- 1				
2.4	Đơn vị hoặc lãnh đạo bị lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP phê bình về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức (Trừ 1 điểm/01 lần	- 2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	bị phê bình)					
2.5	Đơn vị có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, những nhiễu của công chức, viên chức thuộc cơ quan quản lý	- 1				
2.6	Đơn vị thực hiện không tốt các nội dung quản lý đề báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật (mỗi bài báo trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	- 2				
2.7	Không phối hợp hoặc phối hợp không tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC (mỗi lần hoặc nội dung là trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	- 2				
2.8	Không triển khai hoặc triển khai không hiệu quả các sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC thuộc cơ quan, đơn vị mình của các năm trước đã được UBND TP thông báo công nhận, mà không có lý do chính đáng	- 1				
2.9	Các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố thuộc phạm vi phụ trách có số điểm hoặc vị trí giảm so với năm trước liền kề (mỗi nội dung giảm bị trừ 0.2 điểm nhưng tổng cộng không bị trừ quá 2 điểm). (Áp dụng đối với các sở, ban, ngành có trách nhiệm quản lý ngành, lĩnh vực có tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố như: Văn phòng UBND TP, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư...)	- 2				
2.10	Chưa ứng dụng thanh toán điện tử trong giải quyết TTHC đối với các TTHC có thu lệ phí	- 1				
III	TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC CCHC	20				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
1	Đánh giá, nhận xét của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (Ban Thường trực và các đoàn thể thành viên)	10				Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố chấm
2	Đánh giá của đại biểu HĐND TP, lãnh đạo của các sở - ban - ngành và UBND quận - huyện và Thành phố Thủ Đức; Trưởng các phòng chuyên môn trực thuộc sở - ban - ngành, UBND các quận - huyện và Thành phố Thủ Đức; đối tượng khác phù hợp với đặc thù của đơn vị	10				Điều tra xã hội học
I + II + III		100				

*** Xếp hạng và xếp loại:**

- Đạt từ 90 điểm đến 100 điểm: Xếp loại **Xuất sắc**;
- Đạt từ 80 đến dưới 90 điểm: Xếp loại **Tốt**;
- Đạt từ 70 đến dưới 80 điểm: Xếp loại **Khá**;
- Đạt từ 60 điểm dưới 70 điểm: Xếp loại **Trung bình**;
- Dưới 60 điểm: Xếp loại **Yếu**.



Phụ lục II A

Chỉ số đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính đối với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố
(Kèm theo Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	75				
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	13.5				
1.1	Kế hoạch CCHC năm	3				
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm của Thành phố kịp thời	1				
	Ủy ban nhân dân Thành phố (UBND TP) ban hành Kế hoạch trong vòng 07 ngày kể từ ngày Văn phòng UBND TP nhận được hồ sơ trình của Sở Nội vụ	1				
	Ban hành sau 07 ngày	0				
1.1.2	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời	1				
1.1.3	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong các kế hoạch của Văn phòng UBND TP	1				
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch. b là số nhiệm vụ đã hoàn thành. Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá là 0	1				
1.2	Thực hiện báo cáo công tác CCHC	5				
1.2.1	Báo cáo công tác CCHC của Thành phố	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	UBND TP ban hành Báo cáo CCHC định kỳ trong vòng 07 ngày kể từ ngày Văn phòng UBND TP nhận được hồ sơ trình của Sở Nội vụ	1				
	Ban hành sau 07 ngày	0				
1.2.2	Báo cáo công tác CCHC của Văn phòng UBND TP	4				
1.2.2.1	Thực hiện báo cáo CCHC định kỳ	2				
	Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định	2				
	Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo	0				
1.2.2.2	Thực hiện báo cáo đột xuất	2				
	Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định	2				
	Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo	0				
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2				
1.3.1	Tỷ lệ các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc được kiểm tra trong năm	1				
	Đạt từ 40% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc trở lên	1				
	Đạt từ 30% đến dưới 40% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc	0.5				
	Đạt dưới 30% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc	0				
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) * 1 + (c/a) * 0.5$. Trong đó: a là tổng số vấn đề phải xử lý. b là số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý. c là số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành. Trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa.					
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1				
1.4.1	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua trang điện tử của đơn vị (có chuyên mục riêng về cải cách hành chính)	0.5				
1.4.1	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác: 0.5	0.5				
1.5	Thực hiện các nhiệm vụ về CCHC được UBND TP, Chủ tịch UBND TP giao trong năm	1				
	Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao	1				
	Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% số nhiệm vụ được giao	0.5				
	Hoàn thành dưới 80% số nhiệm vụ được giao	0				
1.6	Kiểm soát việc thực hiện các nhiệm vụ, công việc được UBND TP giao cho các cơ quan, đơn vị trong năm	1.5				
1.6.1	Cập nhật nhắc việc đầy đủ trên phần mềm chậm nhất 02 ngày kể từ ngày ban hành văn bản	0.5				
	Đạt từ 90% trở lên	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Dưới 90%</i>	0				
1.6.2	Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ được UBND TP giao đối với các nhiệm vụ quá hạn hoặc chưa hoàn thành từ 10 ngày trở lên mà chưa có báo cáo	1				
	<i>Đạt từ 90% trở lên</i>	1				
	<i>Dưới 90%</i>	0				
2	Cải cách thể chế	6				
2.1	Mức độ thực hiện đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) đã được UBND TP chấp thuận, danh mục VBQPPL quy định chi tiết đã được UBND TP phê duyệt	2				
	<i>Đạt từ 80% đến 100% số văn bản được ban hành đúng quy trình và đúng tiến độ hoặc các cơ quan, đơn vị không được giao chủ trì soạn thảo văn bản theo Danh mục văn bản</i>	2				
	<i>Đạt từ 80% đến 100% số văn bản được ban hành đúng quy trình nhưng chậm so với tiến độ</i>	1.5				
	<i>Đạt từ 50% đến dưới 80% số văn bản được ban hành đúng quy trình và đúng tiến độ</i>	1				
	<i>Đạt từ 50% đến dưới 80% số văn bản được ban hành đúng quy trình nhưng chậm tiến độ</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 50% số văn bản ban hành hoặc không đề xuất danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân Thành phố (HĐND TP), UBND TP quy định chi tiết những nội dung được giao theo các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên</i>	0				
2.2	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
2.2.1	Tham mưu dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND Thành phố về công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	0.25				
	<i>Kịp thời, đúng quy định</i>	0.25				
	<i>Không kịp thời hoặc không đúng quy định</i>	0				
2.2.2	Kết quả tham mưu sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần, thay thế, ban hành mới, đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ nội dung văn bản QPPL sau rà soát	0.75				
	<i>Tính theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số văn bản cần phải xử lý.</i> <i>b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý.</i> <i>Trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa</i>	0.75				
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	1				
	<i>Tính theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số văn bản cần phải xử lý.</i> <i>b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý.</i> <i>Trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa .</i>	0				
2.4	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	2				
2.4.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
2.4.1.1	Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật	0.5				
2.4.1.2	Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật	0.5				
2.4.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1				
	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền	1				
	Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền	0				
3	Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)	20				
3.1	Triển khai nhiệm vụ cải cách TTHC	5				
3.1.1	Ban hành và thực hiện Kế hoạch kiểm soát TTHC của Văn phòng UBND TP	2				
3.1.1.1	Kế hoạch đảm bảo yêu cầu về nội dung và thời hạn	1				
	Kế hoạch không đảm bảo yêu cầu về nội dung và thời hạn	0				
3.1.1.2	Hoàn thành từ 80% Kế hoạch trở lên	1				
	Hoàn thành dưới 80% Kế hoạch	0				
3.1.2	Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ: công khai TTHC, hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết; xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) về TTHC của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố	2				
3.1.2.1	Tham mưu UBND TP ban hành Kế hoạch kiểm tra	0.5				
3.1.2.2	Trên 50% sở, ban, quận, huyện được kiểm tra	1.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
3.1.3	Báo cáo kiểm soát TTHC của Thành phố	1				
	<i>Báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn</i>	1				
	<i>Báo cáo thiếu, trễ thời hạn</i>	0				
3.2	Kiểm soát quy định TTHC (Văn phòng UBND TP)	1				
3.2.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	0.5				
	<i>Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền</i>	0.5				
	<i>Có TTHC ban hành trái thẩm quyền</i>	0				
3.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	0.5				
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0.5				
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0				
3.3	Công bố, công khai TTHC/quy trình nội bộ/kết quả giải quyết hồ sơ	7.5				
3.3.1	Trình công bố TTHC theo đề xuất của các sở (Thành phố)	1.5				
	<i>Đạt tỷ lệ 100% TTHC</i>	1.5				
	<i>Dưới 100%</i>	0				
3.3.2	Trình công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo đề xuất của các sở (Thành phố)	2				
	<i>Đạt tỷ lệ 100% TTHC</i>	2				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% TTHC</i>	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Dưới 90% TTHC</i>	0				
3.3.3	Trình phê duyệt danh mục TTHC ưu tiên thực hiện trên môi trường điện tử (Thành phố)	1				
	<i>Có thực hiện</i>	1				
	<i>Không thực hiện</i>	0				
3.3.4	Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố (Thành phố)	2				
	<i>Đúng quy định</i>	2				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
3.3.5	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử, Cổng dịch vụ công Thành phố, Trang thông tin điện tử của Văn phòng UBND TP (Thành phố)	1				
	<i>Đúng quy định</i>	1				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
3.4	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	6.5				
3.4.1	Thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết TTHC tuân thủ đúng quy trình nội bộ đã được Chủ tịch UBND TP phê duyệt (Văn phòng UBND TP)	1				
	<i>Tuân thủ quy trình</i>	1				
	<i>Không tuân thủ quy trình (trừ các trường hợp áp dụng giải pháp cải cách như đơn giản thành phần, rút ngắn thời gian giải quyết ...)</i>	0				
3.4.2	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC (Văn phòng UBND TP)	1.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Giải quyết đúng hạn từ 95% đến 100% hồ sơ và không có lĩnh vực nào dưới 90% tính theo công thức</i> $\frac{\text{tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 1.5}{100\%}$	1.5				
	<i>Giải quyết đúng hạn dưới 95% hồ sơ hoặc có lĩnh vực dưới 90%</i>	0				
3.4.3	Tiếp nhận, chuyển xử lý, công khai kết quả xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC, thực hiện TTHC (Thành phố)	2				
3.4.3.1	<i>100% PAKN tiếp nhận được chuyển xử lý đúng quy định</i>	1				
	<i>Dưới 100% PAKN tiếp nhận được chuyển xử lý</i>	0				
3.4.3.2	<i>100% kết quả xử lý PAKN được công khai theo quy định</i>	1				
	<i>Dưới 100% kết quả xử lý PAKN được công khai theo quy định</i>	0				
3.4.4	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC, thực hiện TTHC (Văn phòng UBND TP)	1				
	<i>100% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định</i>	1				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Dưới 90% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định</i>	0				
3.4.5	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của Văn phòng UBND TP	1				
	<i>Đạt điểm xếp loại xuất sắc</i>	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Đạt điểm xếp loại tốt</i>	0.75				
	<i>Đạt điểm xếp loại khá</i>	0.5				
	<i>Đạt điểm xếp loại trung bình</i>	0.25				
	<i>Đạt điểm xếp loại yếu</i>	0				
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	9				
4.1	Thực hiện các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành và Thành phố về tổ chức bộ máy	1				
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	2				
4.3	Thực hiện kiểm tra, rà soát, đánh giá định kỳ tình hình tổ chức và hoạt động của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Văn phòng UBND TP	2				
4.3.1	Tổ chức triển khai kiểm tra, rà soát, đánh giá định kỳ	1				
4.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1				
	<i>Đạt 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	1				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 80% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0				
4.4	Thực hiện phân cấp, ủy quyền quản lý theo ngành, lĩnh vực	3				
4.4.1	Thực hiện các quy định về phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực do cơ quan có thẩm quyền cấp trên phân cấp, ủy quyền	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
4.4.2	Tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định nội dung phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực kịp thời	1				
4.4.3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực đã ủy quyền cho quận - huyện và các đơn vị trực thuộc	1				
	<i>Đạt 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	1				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 80% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0				
4.5	Thực hiện sắp xếp, tinh gọn đầu mối, nâng cao mức độ tự chủ, hiệu quả của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW	1				
4.5.1	Có sắp xếp, tinh gọn đầu mối đơn vị sự nghiệp công lập	0.5				
4.5.2	Có nâng cao mức độ tự chủ, hiệu quả của đơn vị sự nghiệp công lập	0.5				
5	Cải cách chế độ công vụ	8				
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2				
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan hành chính đã xây dựng cơ cấu ngạch và bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được Thành phố phê duyệt	1				
	<i>Đạt 100% số cơ quan</i>	1				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số cơ quan</i>	0.5				
	<i>Đạt từ 60% đến dưới 80% số đơn vị</i>	0.25				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Đạt dưới 60% số đơn vị</i>	0				
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp trực thuộc có cơ cấu chức danh nghề nghiệp và bố trí viên chức theo vị trí việc làm được Thành phố phê duyệt	1				
	<i>Đạt 100% số đơn vị</i>	1				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số đơn vị</i>	0.5				
	<i>Đạt từ 60% đến dưới 80% số đơn vị</i>	0.25				
	<i>Đạt dưới 60% số đơn vị</i>	0				
5.2	Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc	1				
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức	0.5				
	<i>Đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức	0.5				
	<i>Đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
5.3	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1				
5.4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	2				
5.5	Thực hiện tinh giản biên chế theo đề án được phê duyệt	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Đạt 100% kế hoạch</i>	<i>1</i>				
	<i>Đạt từ 70% đến dưới 100% kế hoạch</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Đạt dưới 70% kế hoạch</i>	<i>0</i>				
5.6	Cán bộ, công chức, viên chức tham dự các lớp đào tạo bồi dưỡng đạt yêu cầu vào cuối khóa học do Sở Nội vụ tổ chức	1				
	<i>Đạt từ 80% đến 100%</i>	<i>1</i>				
	<i>Đạt dưới 80%</i>	<i>0</i>				
6	Cải cách tài chính công	7				
6.1	Xây dựng, công khai dự toán và quyết toán tài chính hàng năm theo quy định	1				
	<i>Thực hiện đúng quy định, đảm bảo thời gian và nội dung báo cáo theo hướng dẫn</i>	<i>1</i>				
	<i>Thực hiện đúng nhưng báo cáo chậm trễ thời gian quy định hoặc báo cáo nội dung không đầy đủ chưa đạt yêu cầu</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Không thực hiện hoặc có sai phạm về công tác tài chính</i>	<i>0</i>				
6.2	Báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập	1				
6.3	Tiết kiệm kinh phí tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức	1				
6.4	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	$\frac{\text{tỷ lệ \% giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước} \times 1.00}{100\%}$					
6.5	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1				
	<i>Đạt 100% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	1				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	0.5				
	<i>Từ 80% đến dưới 90% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	0.25				
	<i>Dưới 80% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	0				
6.6	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2				
6.6.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0.5				
	<i>Ban hành kịp thời, đúng quy định quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý</i>	0.25				
	<i>100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành</i>	0.25				
	<i>Ban hành chậm trễ, không đúng quy định quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý</i>	0				
	<i>Dưới 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành</i>	0				
6.6.2	Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	0.75				
	<i>Có kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0.25				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	100% cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	0.25				
	Đã rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công	0.25				
	Không kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	0				
	Có cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	0				
	Không rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công	0				
6.6.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0.75				
	100% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý	0.75				
	Từ 80% - dưới 100% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý	0.5				
	Từ 60% - dưới 80% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý	0.25				
	Dưới 60% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý	0				
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	11.5				
7.1	Xây dựng Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh	0.5				
	Ban hành đúng thời hạn	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Ban hành trễ hoặc không ban hành</i>	0				
7.2	Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu	1				
	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố (LGSP HCM) Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{Điểm tối đa}$. Trong đó : a là tổng số các ứng dụng có sử dụng dùng chung b là số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối sử dụng qua LGSP	1				
7.3	Phát triển ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ và phục vụ người dân, tổ chức	7				
7.3.1	Vận hành Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính Thành phố	1				
	<i>100% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành</i>	1				
	<i>80% đến dưới 100% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành</i>	0.5				
	<i>Dưới 80% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành</i>	0				
7.3.2	Đảm bảo tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo Kế hoạch Cải cách hành chính năm của Thành phố	1				
7.3.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1				
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVCTT toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến) b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT toàn trình	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
7.3.4	Thực hiện thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công Thành phố	1.5				
	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: <i>a</i> là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính <i>b</i> là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến	0.5				
	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: <i>a</i> là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến <i>b</i> là số TTHC có phát sinh thanh toán trực tuyến	0.5				
	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: <i>a</i> là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá <i>b</i> là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	0.5				
7.3.5	Hệ thống theo dõi việc xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân thông qua Tổng đài 1022	1				
	Xử lý ý kiến của người dân, tổ chức và doanh nghiệp đạt 100%	1				
	Đạt 100% nhưng không đảm bảo tiến độ giải quyết theo quy định	0.5				
7.3.6	Đảm bảo An toàn thông tin	0.5				
	Đảm bảo theo quy định	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Chưa đảm bảo</i>	0				
7.3.7	Thực hiện báo cáo chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh (DTI)	1				
	<i>Số lượng báo cáo</i>	0.5				
	<i>Thời gian gửi báo cáo</i>	0.5				
7.4	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	3				
7.4.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định	1				
7.4.1.1	<i>Bản công bố được thông báo bằng văn bản đến Sở Khoa học và Công nghệ</i>	0.5				
7.4.1.2	<i>Niêm yết tại trụ sở cơ quan và công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định</i>	0.5				
7.4.2	Thực hiện áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định	2				
7.4.2.1	<i>Có ban hành Kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 và có bằng chứng về (1) phân tích bối cảnh, (2) nhận diện, đánh giá, xử lý rủi ro và cơ hội của năm đánh giá</i>	0.5				
7.4.2.2	<i>Có ban hành Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng, Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng và Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng của năm đánh giá</i>	0.5				
7.4.2.3	<i>Thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ và họp xem xét lãnh đạo theo yêu cầu của ISO 9001:2015 trong năm đánh giá</i>	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
7.4.2.4	Thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp của ISO 9001:2015 sau đánh giá nội bộ, xem xét lãnh đạo và theo biên bản kiểm tra, giám sát của Đoàn kiểm tra (nếu có)	0.5				
II	ĐIỂM THƯỞNG, ĐIỂM TRỪ TRONG CÔNG TÁC CCHC (Điểm cộng tối đa 05 điểm. Riêng điểm trừ sau khi trừ hết 05 điểm, sẽ tiếp tục trừ điểm vào điểm tổng để phân loại, xếp hạng)					
1	Điểm thưởng	+5				
1.1	Đánh giá, nhân rộng và thực hiện hiệu quả sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC của cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc hoặc sáng kiến của cơ quan được UBND Thành phố, BCĐ CCHC Thành phố công nhận	+ 1				
1.2	Giải quyết TTHC sớm hạn 30% hồ sơ TTHC của đơn vị	+ 1				
1.3	Đạt giải của Giải thưởng Sáng tạo Thành phố trong năm đánh giá	+ 1				
1.4	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC (thực hiện đầy đủ 04 nội dung): - Đề nghị thay đổi thành viên BCĐ CCHC Thành phố; báo cáo thay đổi thành viên BCĐ và đề nghị cung cấp mật mã sử dụng Hệ thống quản lý công tác CCHC Thành phố của Văn phòng UBND Thành phố kịp thời. - Kiện toàn BCĐ CCHC của Văn phòng UBND Thành phố kịp thời. - Tổ chức họp BCĐ CCHC của Văn phòng UBND Thành phố đầy đủ (ít nhất 04 kỳ/năm). - Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác CCHC và có khen thưởng cá nhân, tập thể.	+ 1				
1.5	Đơn vị được lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP khen thưởng, biểu dương về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức/Đơn vị, công chức, viên chức thực hiện tốt các nội dung quản lý, tiếp công dân được báo đài và các phương	+ 1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	tiện truyền thông đăng tải biểu dương					
1.6	Phối hợp tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC	+ 1				
1.7	Các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố thuộc phạm vi phụ trách có số điểm tăng so với năm trước liền kề (mỗi nội dung tăng hoặc giữ nguyên điểm của năm trước liền kề (đối với nội dung số điểm đã đạt tối đa) được cộng thêm 0,2 điểm nhưng tổng cộng không quá 2 điểm). (Áp dụng đối với các sở, ban, ngành có trách nhiệm quản lý ngành, lĩnh vực có tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố như: Văn phòng UBND TP, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư...)	+ 2				
1.8	Phối hợp chuyển giao TTHC cho đơn vị Bưu chính công ích tiếp nhận và trả kết quả (Mỗi lĩnh vực TTHC được cộng 0.5 điểm và tổng cộng không quá 01 điểm)	+ 1				
1.9	Các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố thuộc phạm vi phụ trách được các cơ quan trung ương đánh giá là mô hình sáng kiến, trực tiếp góp phần nâng số điểm hoặc tăng vị trí so với năm trước liền kề (mỗi nội dung tăng được cộng thêm 0,2 điểm nhưng tổng cộng không quá 1 điểm).	+ 1				
1.10	Thực hiện tốt 02 yêu cầu về công tác kiểm tra đột xuất: - Kiểm tra đột xuất về CCHC (tối thiểu 10% đơn vị); - Kiểm tra đột xuất về công vụ, việc thực hiện quy tắc ứng xử (tối thiểu 10% đơn vị/quý).	+ 1				
1.11	Hàng quý gửi ít nhất 01 bài viết/mô hình/sản phẩm tuyên truyền hiệu quả về công tác CCHC, cải cách TTHC về BCD CCHC Thành phố (cchc.snv@tphcm.gov.vn) (mỗi quý cộng 0.25 điểm).	+1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
1.12	Xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua chủ đề về CCHC; triển khai, đánh giá, khen thưởng và đề xuất khen thưởng	+ 1				
2	Điểm trừ					
2.1	Chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả đối với các nội dung bị trừ điểm trong đánh giá chỉ số CCHC của năm trước	-2				
2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC không đúng thời hạn quy định	- 1				
2.3	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC chênh lệch quá 3% so với điểm thẩm định	- 1				
2.4	Đơn vị hoặc lãnh đạo bị lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP phê bình về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức (Trừ 1 điểm/01 lần bị phê bình)	- 2				
2.5	Đơn vị có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, những nhiễu của công chức, viên chức thuộc cơ quan quản lý	- 1				
2.6	Đơn vị thực hiện không tốt các nội dung quản lý để báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật (mỗi bài báo trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	- 2				
2.7	Không phối hợp hoặc phối hợp không tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC (mỗi lần hoặc nội dung là trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	- 2				
2.8	Không triển khai hoặc triển khai không hiệu quả các sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC thuộc cơ quan, đơn vị mình của các năm trước đã được UBND TP thông báo công nhận, mà không có lý do chính đáng	- 1				
2.9	Các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố thuộc phạm vi phụ trách có số điểm hoặc vị trí giảm so với năm trước liền kề (mỗi nội dung giảm bị trừ 0.2	- 2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	điểm nhưng tổng cộng không bị trừ quá 2 điểm). (Áp dụng đối với các sở, ban, ngành có trách nhiệm quản lý ngành, lĩnh vực có tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố như: Văn phòng UBND TP, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư...)					
III	TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC CCHC	20				
1	Đánh giá, nhận xét của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (Ban Thường trực và các đoàn thể thành viên)	10				Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố chấm
2	Đánh giá của đại biểu HĐND TP, lãnh đạo của các sở - ban - ngành và UBND quận - huyện và Thành phố Thủ Đức; Trưởng các phòng chuyên môn trực thuộc sở - ban - ngành, UBND các quận - huyện và Thành phố Thủ Đức; đối tượng khác phù hợp với đặc thù của đơn vị	10				Điều tra xã hội học
I + II + III		100				

*** Xếp hạng và xếp loại:**

- Đạt từ 90 điểm đến 100 điểm: Xếp loại **Xuất sắc**;
- Đạt từ 80 đến dưới 90 điểm: Xếp loại **Tốt**;
- Đạt từ 70 đến dưới 80 điểm: Xếp loại **Khá**;
- Đạt từ 60 điểm dưới 70 điểm: Xếp loại **Trung bình**;
- Dưới 60 điểm: Xếp loại **Yếu**.



Phụ lục IIB

Chỉ số đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính đối với Thanh tra Thành phố

(Kèm theo Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	75				
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	11				
1.1	Kế hoạch CCHC năm	3				
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời	1				
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	1				
1.1.3	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong các kế hoạch	1				
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch. b là số nhiệm vụ đã hoàn thành. Nếu tỷ lệ b/a < 0.8 thì điểm đánh giá là 0</i>	1				
1.2	Thực hiện báo cáo công tác CCHC	4				
1.2.1	Thực hiện báo cáo CCHC định kỳ	2				
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 2</i>					
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo: 0</i>					
1.2.2	Thực hiện báo cáo đột xuất	2				
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 2</i>					
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo: 0</i>					
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
1.3.1	Tỷ lệ các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc được kiểm tra trong năm	1				
	Đạt từ 40% số phòng, ban trở lên	1				
	Đạt từ 30% đến dưới 40% số phòng, ban	0.5				
	Đạt dưới 30% số phòng, ban	0				
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1				
	Tính điểm theo công thức: $(b/a)*1 + (c/a)*0.5$. Trong đó: a là tổng số vấn đề phải xử lý. b là số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý. c là số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành. Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa.					
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1				
1.4.1	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua trang điện tử của đơn vị (có chuyên mục riêng về cải cách hành chính)	0.5				
1.4.2	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác: 0.5	0.5				
1.5	Thực hiện các nhiệm vụ về CCHC được Ủy ban nhân dân Thành phố (UBND TP), Chủ tịch UBND TP giao trong năm	1				
	Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao	1				
	Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% số nhiệm vụ được giao	0.5				
	Hoàn thành dưới 80% số nhiệm vụ được giao	0				
2	Cải cách thể chế	6				
2.1	Mức độ thực hiện đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) đã được UBND TP chấp thuận, danh mục VBQPPL quy định chi tiết đã được UBND TP phê duyệt	2				
	Đạt từ 80% đến 100% số văn bản được ban hành đúng quy trình và đúng tiến độ	2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	hoặc các cơ quan, đơn vị không được giao chủ trì soạn thảo văn bản theo Danh mục văn bản					
	Đạt từ 80% đến 100% số văn bản được ban hành đúng quy trình nhưng chậm so với tiến độ	1.5				
	Đạt từ 50% đến dưới 80% số văn bản được ban hành đúng quy trình và đúng tiến độ	1				
	Đạt từ 50% đến dưới 80% số văn bản được ban hành đúng quy trình nhưng chậm tiến độ	0.5				
	Đạt dưới 50% số văn bản ban hành hoặc không đề xuất danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân Thành phố (HĐND TP), UBND TP quy định chi tiết những nội dung được giao theo các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên	0				
2.2	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	2				
	Tính theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$ Trong đó: a là tổng số văn bản cần phải xử lý. b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý. Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa	2				
2.3	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	2				
2.3.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1				
2.3.1.1	Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật	0.5				
2.3.1.2	Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật	0.5				
2.3.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1				
	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền	1				
	Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo	0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>thẩm quyền</i>					
3	Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)	17				
3.1	Triển khai nhiệm vụ cải cách TTHC	4				
3.1.1	Ban hành và thực hiện Kế hoạch kiểm soát TTHC	1.5				
	<i>Kế hoạch đảm bảo yêu cầu về nội dung và thời hạn.</i>	0.5				
	<i>Kế hoạch không đảm bảo yêu cầu về nội dung và thời hạn</i>	0				
	<i>Hoàn thành từ 80% Kế hoạch trở lên</i>	1				
	<i>Hoàn thành dưới 80% Kế hoạch</i>	0				
3.1.2	Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ: công khai TTHC, hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết; xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) về TTHC	1.5				
	<i>Trên 80% đơn vị được kiểm tra và trên 80% vấn đề hạn chế phát hiện qua kiểm tra được khắc phục</i>	1.5				
	<i>50% đến 80% đơn vị được kiểm tra và có 50% đến 80% vấn đề hạn chế phát hiện qua kiểm tra được khắc phục</i>	1				
	<i>Không đạt tỷ lệ trên</i>	0				
3.1.3	Thực hiện Báo cáo kiểm soát TTHC	1				
	<i>Báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn</i>	1				
	<i>Báo cáo thiếu, trễ thời hạn</i>	0				
3.2	Kiểm soát quy định TTHC	1				
3.2.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	0.5				
	<i>Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền</i>	0.5				
	<i>Có TTHC ban hành trái thẩm quyền</i>	0				
3.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0.5				
	Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0				
3.3	Công bố, công khai TTHC/quy trình nội bộ/kết quả giải quyết hồ sơ	3.5				
3.3.1	Trình công bố TTHC thuộc lĩnh vực quản lý	0.5				
	Đầy đủ, kịp thời theo quy định	0.5				
	Không đầy đủ, kịp thời theo quy định	0				
3.3.2	Trình Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực quản lý	1				
	Đạt tỷ lệ 100% TTHC	1				
	Từ 90% đến dưới 100% TTHC	0.5				
	Dưới 90% TTHC	0				
3.3.3	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa	0.5				
	Đúng quy định	0.5				
	Không đúng quy định	0				
3.3.4	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận trên trang thông tin điện tử của đơn vị	0.5				
	Đúng quy định	0.5				
	Không đúng quy định	0				
3.3.5	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên trang thông tin điện tử của đơn vị và Một cửa điện tử tập trung của Thành phố	1				
	Đạt tỷ lệ 100% hồ sơ	1				
	Không đạt tỷ lệ 100%	0				
3.4	Rà soát, đánh giá, đề xuất đơn giản hóa TTHC	1				
3.4.1	Đơn giản hóa về quy trình, thời gian, thành phần hồ sơ	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Có thực hiện</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện</i>	0				
3.4.2	Có kiến nghị cải cách TTHC, kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC được chấp thuận (tại văn bản đề xuất phương án đơn giản hóa của Thành phố) (quy trình, thời gian, thành phần hồ sơ, thẩm quyền, liên thông, kết hợp TTHC/nhóm TTHC)	0.5				
	<i>Có thực hiện</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện</i>	0				
3.5	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	7.5				
3.5.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa (không bao gồm trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP)	1				
	<i>Đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Chánh Thanh tra Thành phố</i>	1				
	<i>Dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Chánh Thanh tra Thành phố</i>	0				
3.5.2	Số TTHC/nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp, khác cấp	1				
	<i>Từ 10 TTHC/Nhóm TTHC trở lên</i>	1				
	<i>Từ 5 - 9 TTHC/Nhóm TTHC</i>	0.5				
	<i>Dưới 5 TTHC/nhóm TTHC</i>	0				
3.5.3	Thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết TTHC tuân thủ đúng quy trình nội bộ đã được Chủ tịch UBND TP phê duyệt	1				
	<i>Tuân thủ quy trình</i>	1				
	<i>Không tuân thủ quy trình (trừ các trường hợp đơn vị áp dụng giải pháp cải cách như đơn giản thành phần, rút ngắn thời gian giải quyết...)</i>	0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
3.5.4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	1.5				
	Giải quyết đúng hạn từ 98% đến 100% hồ sơ và không có lĩnh vực nào dưới 95% tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 1.5}{100\%}$					
	Giải quyết đúng hạn dưới 98% hồ sơ hoặc có lĩnh vực dưới 95%	0				
3.5.5	Thực hiện “Thư xin lỗi” trong trường hợp trả kết quả hồ sơ trễ hạn	1				
	Đúng quy định	1				
	Không đúng quy định	0				
3.5.6	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC	1				
	Đạt điểm xếp loại xuất sắc	1				
	Đạt điểm xếp loại tốt	0.75				
	Đạt điểm xếp loại khá	0.5				
	Đạt điểm xếp loại trung bình	0.25				
3.5.7	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc thực hiện TTHC của đơn vị	1				
	100% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định	1				
	Từ 90% đến dưới 100% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định	0.5				
	Dưới 90% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định	0				
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	12				
4.1	Thực hiện các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành và Thành phố về tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền đô thị	2				
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	1				
4.3	Thực hiện kiểm tra, rà soát, đánh giá định kỳ tình hình tổ chức và hoạt động của	2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	các phòng, ban thuộc Thanh tra Thành phố					
4.3.1	Tổ chức triển khai kiểm tra, rà soát, đánh giá định kỳ	1				
4.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1				
	<i>Đạt 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	1				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 80% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0				
4.4	Thực hiện phân cấp quản lý theo ngành, lĩnh vực	4				
4.4.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực do Chính phủ, Thanh tra Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương và UBND TP ban hành	1				
4.4.2	Tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực kịp thời	1				
4.4.3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ của ngành đã phân cấp cho quận - huyện và các đơn vị khác	1				
4.4.4	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1				
	<i>Đạt 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>	1				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 80% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0				
4.5	Thực hiện ủy quyền quản lý theo ngành, lĩnh vực	3				
4.5.1	Thực hiện các quy định về ủy quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực do cơ quan cấp trên ủy quyền	1				
4.5.2	Tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định ủy quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực kịp thời	1				
4.5.3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực đã ủy quyền cho quận - huyện và các đơn vị khác	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Đạt 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	<i>1</i>				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Đạt dưới 80% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	<i>0</i>				
5	Cải cách chế độ công vụ	8				
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2				
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan hành chính đã xây dựng cơ cấu ngạch và bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được Thành phố phê duyệt	1				
	<i>Đạt 100% số cơ quan</i>	<i>1</i>				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số cơ quan</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Đạt từ 60% đến dưới 80% số đơn vị</i>	<i>0.25</i>				
	<i>Đạt dưới 60% số đơn vị</i>	<i>0</i>				
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp trực thuộc có cơ cấu chức danh nghề nghiệp và bố trí viên chức theo vị trí việc làm được Thành phố phê duyệt	1				
	<i>Đạt 100% số đơn vị</i>	<i>1</i>				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số đơn vị</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Đạt từ 60% đến dưới 80% số đơn vị</i>	<i>0.25</i>				
	<i>Đạt dưới 60% số đơn vị</i>	<i>0</i>				
5.2	Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc	1				
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức	0.5				
	<i>Đúng quy định</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Không đúng quy định</i>	<i>0</i>				
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
5.3	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1				
5.4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	2				
5.5	Thực hiện tinh giản biên chế theo đề án được phê duyệt	1				
	<i>Đạt 100% kế hoạch</i>	1				
	<i>Đạt từ 70% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 70% kế hoạch</i>	0				
5.6	Cán bộ, công chức, viên chức tham dự các lớp đào tạo bồi dưỡng đạt yêu cầu vào cuối khóa học do Sở Nội vụ tổ chức	1				
	<i>Đạt từ 80% đến 100%</i>	1				
	<i>Đạt dưới 80%</i>	0				
6	Cải cách tài chính công	6				
6.1	Xây dựng, công khai dự toán và quyết toán tài chính hàng năm theo quy định	1				
	<i>Thực hiện đúng quy định, đảm bảo thời gian và nội dung báo cáo theo hướng dẫn</i>	1				
	<i>Thực hiện đúng nhưng báo cáo chậm trễ thời gian quy định hoặc báo cáo nội dung không đầy đủ chưa đạt yêu cầu</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện hoặc có sai phạm về công tác tài chính</i>	0				
6.2	Báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập	0.5				
6.3	Tiết kiệm kinh phí tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức	0.5				
6.4	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	$\frac{\text{tỷ lệ \% giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước} \times 1.00}{100\%}$					
6.5	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1				
	Đạt 100% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị	1				
	Từ 90% đến dưới 100% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị	0.5				
	Từ 80% đến dưới 90% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị	0.25				
	Dưới 80% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị	0				
6.6	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2				
6.6.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0.5				
	Ban hành kịp thời, đúng quy định quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0.25				
	100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành	0.25				
	Ban hành chậm trễ, không đúng quy định quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0				
	Dưới 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành	0				
6.6.2	Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:	0.75				
	Có kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	0.25				
	100% cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	0.25				
	Đã rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công	0.25				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	Không kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	0				
	Có cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	0				
	Không rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công	0				
6.6.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0.75				
	100% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý	0.75				
	Từ 80% - dưới 100% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý	0.5				
	Từ 60% - dưới 80% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý	0.25				
	Dưới 60% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý	0				
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	12				
7.1	Xây dựng Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh	0.5				
	Ban hành đúng thời hạn	0.5				
	Ban hành trễ hoặc không ban hành	0				
7.2	Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu	1				
	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố (LGSP HCM) Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{Điểm tối đa}$. Trong đó :					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>a là tổng số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung b là số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối sử dụng qua LGSP</i>					
7.3	Phát triển ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ và phục vụ người dân, tổ chức	7				
7.3.1	Vận hành Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính Thành phố	1				
	<i>100% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành</i>	<i>1</i>				
	<i>80% đến dưới 100% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Dưới 80% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành</i>	<i>0</i>				
7.3.2	Đảm bảo tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo Kế hoạch Cải cách hành chính năm của Thành phố	1				
7.3.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1				
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVCTT toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến) b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT toàn trình</i>					
7.3.4	Thực hiện thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công Thành phố	1.5				
7.3.4.1	<i>Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến</i>	<i>0.5</i>				
7.3.4.2	<i>Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến b là số TTHC có phát sinh thanh toán trực tuyến</i>	<i>0.5</i>				
7.3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i>					
7.3.5	Hệ thống theo dõi việc xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân thông qua Tổng đài 1022	1				
	<i>Xử lý ý kiến của người dân, tổ chức và doanh nghiệp đạt 100%</i>	1				
	<i>Đạt 100% nhưng không đảm bảo tiến độ giải quyết theo quy định</i>	0.5				
7.3.6	Đảm bảo An toàn thông tin	0.5				
	<i>Đảm bảo theo quy định</i>	0.5				
	<i>Chưa đảm bảo</i>	0				
7.3.7	Thực hiện báo cáo chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh (DTI)	1				
	<i>Số lượng báo cáo</i>	0.5				
	<i>Thời gian gửi báo cáo</i>	0.5				
7.4	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	3				
7.4.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định	1				
7.4.1.1	<i>Bản công bố được thông báo bằng văn bản đến Sở Khoa học và Công nghệ</i>	0.5				
7.4.1.2	<i>Niêm yết tại trụ sở cơ quan và công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định</i>	0.5				
7.4.2	Thực hiện áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định	2				
7.4.2.1	<i>Có ban hành Kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 và có bằng chứng về (1) phân tích bối cảnh, (2) nhận diện, đánh giá, xử lý rủi ro và cơ hội của năm đánh giá</i>	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
7.4.2.2	Có ban hành Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng, Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng và Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng của năm đánh giá	0.5				
7.4.2.3	Thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ và họp xem xét lãnh đạo theo yêu cầu của ISO 9001:2015 trong năm đánh giá	0.5				
7.4.2.4	Thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp của ISO 9001:2015 sau đánh giá nội bộ, xem xét lãnh đạo và theo biên bản kiểm tra, giám sát của Đoàn kiểm tra (nếu có)	0.5				
7.5	Phối hợp xây dựng, vận hành hệ thống thông tin báo cáo	0.5				
	Có thực hiện	0.5				
	Không thực hiện hoặc thực hiện không đảm bảo theo yêu cầu	0				
8	Các nhiệm vụ liên quan tác động của công tác CCHC	3				
8.1	Công tác thanh tra kinh tế - xã hội	1				
	Triển khai và kết thúc thanh tra trực tiếp tại đơn vị của các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội theo kế hoạch đạt 100%; đồng thời ban hành Kết luận thanh tra của các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội theo kế hoạch đạt từ 90% trở lên	1				
	Triển khai và kết thúc thanh tra trực tiếp tại đơn vị của các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội theo kế hoạch đạt từ 95% đến dưới 100%; đồng thời ban hành Kết luận thanh tra của các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội theo kế hoạch đạt từ 80% đến dưới 90%	0.5				
	Triển khai và kết thúc thanh tra trực tiếp tại đơn vị của các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội theo kế hoạch đạt từ 90% đến dưới 95%; đồng thời ban hành Kết luận thanh tra của các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội theo kế hoạch đạt từ 70% đến dưới 80%	0.25				
	Triển khai và kết thúc thanh tra trực tiếp tại đơn vị của các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội theo kế hoạch đạt dưới 100%; đồng thời ban hành Kết luận thanh tra của các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội theo kế hoạch đạt dưới 80%	0				
8.2	Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo	1				
	Giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND TP do Thanh tra	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Thành phố tham mưu đạt 100%</i>					
	<i>Giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND TP do Thanh tra Thành phố tham mưu đạt từ 95% đến dưới 100%</i>	0.5				
	<i>Giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND TP do Thanh tra Thành phố tham mưu đạt từ 90% đến dưới 95%</i>	0.25				
	<i>Giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND TP do Thanh tra Thành phố tham mưu đạt dưới 90%</i>	0				
8.3	Công tác phòng, chống tham nhũng	1				
8.3.1	<i>Kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND TP ban hành Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng hàng năm theo đúng chỉ đạo của Thanh tra Chính phủ và Thành ủy</i>	0.5				
8.3.2	<i>Có giải pháp tích cực trong việc chỉ đạo công chức, người lao động của Thanh tra Thành phố thực hiện tốt công tác quản lý tài sản công, thực hành tiết kiệm chống lãng phí</i>	0.5				
II	ĐIỂM THƯỞNG, ĐIỂM TRỪ TRONG CÔNG TÁC CCHC (Điểm cộng tối đa 05 điểm. Riêng điểm trừ sau khi trừ hết 05 điểm, sẽ tiếp tục trừ điểm vào điểm tổng để phân loại, xếp hạng)					
1	Điểm thưởng	+5				
1.1	Đánh giá, nhân rộng và thực hiện hiệu quả sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC của cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc hoặc sáng kiến của cơ quan được UBND Thành phố, BCĐ CCHC Thành phố công nhận	+ 1				
1.2	Giải quyết TTHC sớm hạn 30% hồ sơ TTHC của đơn vị	+ 1				
1.3	Đạt giải của Giải thưởng Sáng tạo Thành phố trong năm đánh giá	+ 1				
1.4	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC (thực hiện đầy đủ 04 nội dung): - Đề nghị thay đổi thành viên BCĐ CCHC Thành phố; báo cáo thay đổi thành viên BCĐ và đề nghị cung cấp mật mã sử dụng Hệ thống quản lý công tác CCHC Thành	+ 1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	phổ của Thanh tra Thành phố kịp thời. - Kiện toàn BCĐ CCHC của Thanh tra Thành phố kịp thời. - Tổ chức họp BCĐ CCHC của Thanh tra Thành phố đầy đủ (ít nhất 04 kỳ/năm). - Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác CCHC và có khen thưởng cá nhân, tập thể.					
1.5	Đơn vị được lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP khen thưởng, biểu dương về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức/Đơn vị, công chức, viên chức thực hiện tốt các nội dung quản lý, tiếp công dân được báo đài và các phương tiện truyền thông đăng tải biểu dương	+ 1				
1.6	Phối hợp tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC	+ 1				
1.7	Phối hợp chuyển giao TTHC cho đơn vị Bưu chính công ích tiếp nhận và trả kết quả (Mỗi lĩnh vực TTHC được cộng 0.5 điểm và tổng cộng không quá 01 điểm)	+ 1				
1.8	Các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố thuộc phạm vi phụ trách được các cơ quan trung ương đánh giá là mô hình sáng kiến, trực tiếp góp phần nâng số điểm hoặc tăng vị trí so với năm trước liền kề (mỗi nội dung tăng được cộng thêm 0,2 điểm nhưng tổng cộng không quá 1 điểm).	+ 1				
1.9	Thực hiện tốt 02 yêu cầu về công tác kiểm tra đột xuất: - Kiểm tra đột xuất về CCHC (tối thiểu 10% đơn vị); - Kiểm tra đột xuất về công vụ, việc thực hiện quy tắc ứng xử (tối thiểu 10% đơn vị/quý).	+ 1				
1.10	Hàng quý gửi ít nhất 01 bài viết/mô hình/sản phẩm tuyên truyền hiệu quả về công tác CCHC, cải cách TTHC về BCĐ CCHC Thành phố (cchc.snv@tphcm.gov.vn) (mỗi quý cộng 0.25 điểm).	+1				
1.11	Xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua chủ đề về CCHC; triển khai, đánh giá, khen thưởng và đề xuất khen thưởng	+ 1				
2	Điểm trừ					
2.1	Chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả đối với các nội dung bị trừ điểm trong đánh giá	-2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	chỉ số CCHC của năm trước					
2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC không đúng thời hạn quy định	- 1				
2.3	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC chênh lệch quá 3% so với điểm thẩm định	- 1				
2.4	Đơn vị hoặc lãnh đạo bị lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP phê bình về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức (Trừ 1 điểm/01 lần bị phê bình)	- 2				
2.5	Đơn vị có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, những nhiễu của công chức, viên chức thuộc cơ quan quản lý	- 1				
2.6	Đơn vị thực hiện không tốt chức năng, nhiệm vụ được giao để báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật (mỗi bài báo trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	- 2				
2.7	Không phối hợp hoặc phối hợp không tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC (mỗi lần hoặc nội dung là trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	- 2				
2.8	Không triển khai hoặc triển khai không hiệu quả các sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC thuộc cơ quan, đơn vị mình của các năm trước đã được UBND TP thông báo công nhận, mà không có lý do chính đáng	- 1				
III	TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC CCHC	20				
1	Đánh giá, nhận xét của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (Ban Thường trực và các đoàn thể thành viên)	10				Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố chấm
2	Đánh giá của đại biểu HĐND TP, lãnh đạo của các sở - ban - ngành và UBND quận - huyện và Thành phố Thủ Đức; Trưởng các phòng chuyên môn trực thuộc sở - ban - ngành, UBND các quận - huyện và Thành phố Thủ Đức; đối tượng	10				Điều tra xã hội học

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	khác phù hợp với đặc thù của đơn vị					
	I + II + III	100				

*** Xếp hạng và xếp loại:**

- Đạt từ 90 điểm đến 100 điểm: Xếp loại **Xuất sắc**;
- Đạt từ 80 đến dưới 90 điểm: Xếp loại **Tốt**;
- Đạt từ 70 đến dưới 80 điểm: Xếp loại **Khá**;
- Đạt từ 60 điểm dưới 70 điểm: Xếp loại **Trung bình**;
- Dưới 60 điểm: Xếp loại **Yếu**.



Phụ lục IIC

Chỉ số đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính đối với Ban Dân tộc

*(Kèm theo Quyết định số **494**/QĐ-UBND ngày **19** tháng **8** năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	75				
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	11				
1.1	Kế hoạch CCHC năm	3				
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời	1				
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	1				
1.1.3	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong các kế hoạch	1				
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch. b là số nhiệm vụ đã hoàn thành. Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá là 0</i>	<i>1</i>				
1.2	Thực hiện báo cáo công tác CCHC	4				
1.2.1	Thực hiện báo cáo CCHC định kỳ	2				
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 2</i>					
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>báo cáo: 0</i>					
1.2.2	Thực hiện báo cáo đột xuất	2				
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 2</i>					
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo: 0</i>					
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2				
1.3.1	Tỷ lệ các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc được kiểm tra trong năm	1				
	<i>Đạt từ 40% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc trở lên</i>	1				
	<i>Đạt từ 30% đến dưới 40% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 30% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc</i>	0				
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1				
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a)*1 + (c/a)*0.5$. Trong đó:</i> <i>a là tổng số vấn đề phải xử lý.</i> <i>b là số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý.</i> <i>c là số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành.</i> <i>Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa.</i>					
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1				
1.4.1	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua trang điện tử của đơn vị (có chuyên mục	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	riêng về cải cách hành chính)					
1.4.2	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác: 0.5	0.5				
1.5	Thực hiện các nhiệm vụ về CCHC được Ủy ban nhân dân Thành phố (UBND TP), Chủ tịch UBND TP giao trong năm	1				
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao</i>	<i>1</i>				
	<i>Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% số nhiệm vụ được giao</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 80% số nhiệm vụ được giao</i>	<i>0</i>				
2	Cải cách thể chế	6				
2.1	Mức độ thực hiện đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) đã được UBND TP chấp thuận, danh mục VBQPPL quy định chi tiết đã được UBND TP phê duyệt	2				
	<i>Đạt từ 80% đến 100% số văn bản được ban hành đúng quy trình và đúng tiến độ hoặc các cơ quan, đơn vị không được giao chủ trì soạn thảo văn bản theo Danh mục văn bản</i>	<i>2</i>				
	<i>Đạt từ 80% đến 100% số văn bản được ban hành đúng quy trình nhưng chậm so với tiến độ</i>	<i>1.5</i>				
	<i>Đạt từ 50% đến dưới 80% số văn bản được ban hành đúng quy trình và đúng tiến độ</i>	<i>1</i>				
	<i>Đạt từ 50% đến dưới 80% số văn bản được ban hành đúng quy trình nhưng chậm tiến độ</i>	<i>0.5</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Đạt dưới 50% số văn bản ban hành hoặc không đề xuất danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân Thành phố (HĐND TP), UBND TP quy định chi tiết những nội dung được giao theo các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên</i>	0				
2.2	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	2				
	Tính theo công thức: (b/a) * điểm tối đa Trong đó: <i>a là tổng số văn bản cần phải xử lý.</i> <i>b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý.</i> <i>Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa</i>	2				
2.3	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	2				
2.3.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1				
	<i>Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật</i>	0.5				
	<i>Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật</i>	0.5				
2.3.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1				
	<i>Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền</i>	1				
	<i>Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền</i>	0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
3	Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)	17				
3.1	Triển khai nhiệm vụ cải cách TTHC	4				
3.1.1	Ban hành và thực hiện Kế hoạch kiểm soát TTHC	1.5				
	<i>Kế hoạch đảm bảo yêu cầu về nội dung và thời hạn.</i>	0.5				
	<i>Kế hoạch không đảm bảo yêu cầu về nội dung, thời hạn</i>	0				
	<i>Hoàn thành từ 80% Kế hoạch trở lên</i>	1				
	<i>Hoàn thành dưới 80% Kế hoạch</i>	0				
3.1.2	Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ: công khai TTHC, hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết; xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) về TTHC	1.5				
	<i>Trên 80% đơn vị được kiểm tra và trên 80% vấn đề hạn chế phát hiện qua kiểm tra được khắc phục.</i>	1.5				
	<i>50% đến 80% đơn vị được kiểm tra và có 50% đến 80% vấn đề hạn chế phát hiện qua kiểm tra được khắc phục</i>	1				
	<i>Không đạt tỷ lệ trên</i>	0				
3.1.3	Thực hiện Báo cáo kiểm soát TTHC	1				
	<i>Báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn</i>	1				
	<i>Báo cáo thiếu, trễ thời hạn</i>	0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
3.2	Kiểm soát quy định TTHC	1				
3.2.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	0.5				
	<i>Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền</i>	0.5				
	<i>Có TTHC ban hành trái thẩm quyền</i>	0				
3.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	0.5				
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0.5				
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0				
3.3	Công bố, công khai TTHC/quy trình nội bộ/kết quả giải quyết hồ sơ	3.5				
3.3.1	Trình công bố TTHC thuộc lĩnh vực quản lý	1				
	<i>Đầy đủ, kịp thời theo quy định</i>	1				
	<i>Không đầy đủ hoặc không kịp thời theo quy định</i>	0				
3.3.2	Trình Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực quản lý	1				
	<i>Đạt tỷ lệ 100% TTHC</i>	1				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% TTHC</i>	0.5				
	<i>Dưới 90% TTHC</i>	0				
3.3.3	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa và Hệ thống	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	thông tin giải quyết TTHC					
	<i>Đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
3.3.4	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận trên trang thông tin điện tử của đơn vị	1				
	<i>Đúng quy định</i>	1				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
3.4	Rà soát, đánh giá, đề xuất đơn giản hóa TTHC	1				
3.4.1	Đơn giản hóa về quy trình, thời gian, thành phần hồ sơ	0.5				
	<i>Có thực hiện</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện</i>	0				
3.4.2	Có kiến nghị cải cách TTHC, kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC được chấp thuận (tại văn bản đề xuất phương án đơn giản hóa của Thành phố) (quy trình, thời gian, thành phần hồ sơ, thẩm quyền, liên thông, kết hợp TTHC/nhóm TTHC)	0.5				
	<i>Có thực hiện</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện</i>	0				
3.5	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	7.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
3.5.1	Thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết TTHC tuân thủ đúng quy trình nội bộ đã được Chủ tịch UBND TP phê duyệt	2				
	<i>Tuân thủ quy trình</i>	2				
	<i>Không tuân thủ quy trình (trừ các trường hợp đơn vị áp dụng giải pháp cải cách như đơn giản thành phần hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết...)</i>	0				
3.5.2	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	2.5				
	Giải quyết đúng hạn từ 98% đến 100% hồ sơ và không có lĩnh vực nào dưới 95% tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 1.5}{100\%}$					
	<i>Giải quyết đúng hạn dưới 95% hồ sơ hoặc có lĩnh vực dưới 90%</i>	0				
3.5.3	Thực hiện “Thư xin lỗi” trong trường hợp trả kết quả hồ sơ trễ hạn	1				
	<i>Thực hiện đúng quy định</i>	1				
	<i>Thực hiện không đúng quy định</i>	0				
3.5.4	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của các sở, ban	1				
	<i>Đạt điểm xếp loại xuất sắc</i>	1				
	<i>Đạt điểm xếp loại tốt</i>	0.75				
	<i>Đạt điểm xếp loại khá</i>	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Đạt điểm xếp loại trung bình</i>	0.25				
3.5.5	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc thực hiện TTHC của đơn vị	1				
	<i>100% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định</i>	1				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Dưới 90% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định</i>	0				
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	12				
4.1	Thực hiện các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành và Thành phố về tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền đô thị	2				
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	1				
4.3	Thực hiện kiểm tra, rà soát, đánh giá định kỳ tình hình tổ chức và hoạt động của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Ban Dân tộc	2				
4.3.1	Tổ chức triển khai kiểm tra, rà soát, đánh giá định kỳ	1				
4.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1				
	<i>Đạt 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	1				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 80% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
4.4	Thực hiện phân cấp quản lý theo ngành, lĩnh vực	4				
4.4.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực do Chính phủ, Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành Trung ương, UBND TP ban hành	1				
4.4.2	Tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực kịp thời	1				
4.4.3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ của ngành đã phân cấp cho quận - huyện và các đơn vị khác	1				
4.4.4	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1				
	<i>Đạt 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	<i>1</i>				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Đạt dưới 80% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	<i>0</i>				
4.5	Thực hiện ủy quyền quản lý theo ngành, lĩnh vực	3				
4.5.1	Thực hiện các quy định về ủy quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực do cơ quan cấp trên ủy quyền	1				
4.5.2	Tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định ủy quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực kịp thời	1				
4.5.3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực đã ủy quyền cho quận - huyện và các đơn vị khác	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Đạt 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	<i>1</i>				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Đạt dưới 80% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	<i>0</i>				
5	Cải cách chế độ công vụ	8				
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2				
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan hành chính đã xây dựng cơ cấu ngạch và bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được Thành phố phê duyệt	1				
	<i>Đạt 100% số cơ quan</i>	<i>1</i>				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số cơ quan</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Đạt từ 60% đến dưới 80% số đơn vị</i>	<i>0.25</i>				
	<i>Đạt dưới 60% số đơn vị</i>	<i>0</i>				
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp trực thuộc có cơ cấu chức danh nghề nghiệp và bố trí viên chức theo vị trí việc làm được Thành phố phê duyệt	1				
	<i>Đạt 100% số đơn vị</i>	<i>1</i>				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số đơn vị</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Đạt từ 60% đến dưới 80% số đơn vị</i>	<i>0.25</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Đạt dưới 60% số đơn vị</i>	0				
5.2	Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc	1				
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức	0.5				
	<i>Đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức	0.5				
	<i>Đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
5.3	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1				
5.4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	2				
5.5	Thực hiện tinh giản biên chế theo đề án được phê duyệt	1				
	<i>Đạt 100% kế hoạch</i>	1				
	<i>Đạt từ 70% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 70% kế hoạch</i>	0				
5.6	Cán bộ, công chức, viên chức tham dự các lớp đào tạo bồi dưỡng đạt yêu cầu vào cuối khóa học do Sở Nội vụ tổ chức	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Đạt từ 80% đến 100%</i>	1				
	<i>Đạt dưới 80%</i>	0				
6	Cải cách tài chính công	6				
6.1	Xây dựng, công khai dự toán và quyết toán tài chính hàng năm theo quy định	1				
	<i>Thực hiện đúng quy định, đảm bảo thời gian và nội dung báo cáo theo hướng dẫn</i>	<i>1</i>				
	<i>Thực hiện đúng nhưng báo cáo chậm trễ thời gian quy định hoặc báo cáo nội dung không đầy đủ chưa đạt yêu cầu</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Không thực hiện hoặc có sai phạm về công tác tài chính</i>	<i>0</i>				
6.2	Báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập	0.5				
6.3	Tiết kiệm kinh phí tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức	0.5				
6.4	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	1				
	$\frac{\text{tỷ lệ \% giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước} \times 1.00}{100\%}$					
6.5	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1				
	<i>Đạt 100% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	<i>1</i>				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	<i>0.5</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Từ 80% đến dưới 90% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	0.25				
	<i>Dưới 80% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	0				
6.6	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2				
6.6.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0.5				
	<i>Ban hành kịp thời, đúng quy định quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý</i>	0.25				
	<i>100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành</i>	0.25				
	<i>Ban hành chậm trễ, không đúng quy định quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý</i>	0				
	<i>Dưới 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành</i>	0				
6.6.2	Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:	0.75				
	<i>Có kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0.25				
	<i>100% cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0.25				
	<i>Đã rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công</i>	0.25				
	<i>Không kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0				
	<i>Có cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài</i>	0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>sản công</i>					
	<i>Không rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công</i>	0				
6.6.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0.75				
	<i>100% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0.75				
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0.5				
	<i>Từ 60% - dưới 80% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0.25				
	<i>Dưới 60% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0				
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	12				
7.1	Xây dựng Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh	0.5				
	<i>Ban hành đúng thời hạn</i>	0.5				
	<i>Ban hành trễ hoặc không ban hành</i>	0				
7.2	Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu	1				
	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố (LGSP HCM) <i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{Điểm tối đa}$. Trong đó :</i> <i>a là tổng số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung</i> <i>b là số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối sử dụng qua LGSP</i>					
7.3	Phát triển ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ và phục vụ người dân, tổ chức	7				
7.3.1	Vận hành Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính Thành phố	1				
	100% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành	1				
	80% đến dưới 100% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành	0.5				
	Dưới 80% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành	0				
7.3.2	Đảm bảo tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo Kế hoạch Cải cách hành chính năm của Thành phố	1				
7.3.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1				
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</i> <i>a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVCTT toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến)</i> <i>b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT toàn trình</i>					
7.3.4	Thực hiện thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công Thành phố	1.5				
7.3.4.1	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến <i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</i>	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính</i> <i>b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến</i>					
7.3.4.2	<i>Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i> <i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó:</i> <i>a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến</i> <i>b là số TTHC có phát sinh thanh toán trực tuyến</i>	0.5				
7.3.4.3	<i>Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến</i> <i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó:</i> <i>a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá</i> <i>b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i>	0.5				
7.3.5	Hệ thống theo dõi việc xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân thông qua Tổng đài 1022	1				
	<i>Xử lý ý kiến của người dân, tổ chức và doanh nghiệp đạt 100%</i>	1				
	<i>Không đạt 100% hoặc đạt 100% nhưng không đảm bảo tiến độ giải quyết theo quy định</i>	0.5				
7.3.6	Đảm bảo An toàn thông tin	0.5				
	<i>Đảm bảo theo quy định</i>	0.5				
	<i>Chưa đảm bảo</i>	0				
7.3.7	Thực hiện báo cáo chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh (DTI)	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Số lượng báo cáo</i>	0.5				
	<i>Thời gian gửi báo cáo</i>	0.5				
7.4	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	3				
7.4.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định	1				
7.4.1.1	<i>Bản công bố được thông báo bằng văn bản đến Sở Khoa học và Công nghệ</i>	0.5				
7.4.1.2	<i>Niêm yết tại trụ sở cơ quan và công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định</i>	0.5				
7.4.2	Thực hiện áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định	2				
7.4.2.1	<i>Có ban hành Kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 và có bằng chứng về (1) phân tích bối cảnh, (2) nhận diện, đánh giá, xử lý rủi ro và cơ hội của năm đánh giá</i>	0.5				
7.4.2.2	<i>Có ban hành Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng, Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng và Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng của năm đánh giá</i>	0.5				
7.4.2.3	<i>Thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ và họp xem xét lãnh đạo theo yêu cầu của ISO 9001:2015 trong năm đánh giá</i>	0.5				
7.4.2.4	<i>Thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp của ISO 9001:2015 sau đánh giá nội bộ, xem xét lãnh đạo và theo biên bản kiểm tra, giám sát của Đoàn kiểm tra (nếu có)</i>	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
7.5	Phối hợp xây dựng, vận hành hệ thống thông tin báo cáo	0.5				
	<i>Có thực hiện</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đảm bảo theo yêu cầu</i>	0				
8	Các nhiệm vụ liên quan tác động của công tác CCHC	3				
8.1	Tham mưu UBND TP ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng tạo nguồn và phát huy nguồn đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số các cấp	1.5				
	<i>Tham mưu UBND TP ban hành kế hoạch đúng tiến độ</i>	1.5				
	<i>Tham mưu UBND TP ban hành kế hoạch trễ tiến độ</i>	0				
8.2	Chất lượng triển khai Kế hoạch	1.5				
	<i>Triển khai và hoàn thành 100% các nội dung kế hoạch đúng tiến độ</i>	1.5				
	<i>Triển khai và hoàn thành từ 95% đến dưới 100% các nội dung kế hoạch</i>	1				
	<i>Triển khai và hoàn thành dưới 95% các nội dung kế hoạch</i>	0				
II	ĐIỂM THƯỞNG, ĐIỂM TRỪ TRONG CÔNG TÁC CCHC (Điểm cộng tối đa 05 điểm. Riêng điểm trừ sau khi trừ hết 05 điểm, sẽ tiếp tục trừ điểm vào điểm tổng để phân loại, xếp hạng)					
1	Điểm thưởng	+5				
1.1	Đánh giá, nhân rộng và thực hiện hiệu quả sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC của cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc hoặc sáng kiến của cơ quan được	+ 1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	UBND Thành phố, BCĐ CCHC Thành phố công nhận					
1.2	Giải quyết TTHC sớm hạn 30% hồ sơ TTHC của đơn vị	+ 1				
1.3	Đạt giải của Giải thưởng Sáng tạo Thành phố trong năm đánh giá	+ 1				
1.4	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC (thực hiện đầy đủ 04 nội dung): - Báo cáo thay đổi thành viên BCĐ CCHC và đề nghị cung cấp mật mã sử dụng Hệ thống quản lý công tác CCHC TP của Ban Dân tộc Thành phố kịp thời. của cơ quan, đơn vị kịp thời. - Kiện toàn BCĐ CCHC của Ban Dân tộc Thành phố kịp thời. - Tổ chức họp BCĐ CCHC của Ban Dân tộc Thành phố đầy đủ (ít nhất 04 kỳ/năm). - Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác CCHC và có khen thưởng cá nhân, tập thể.	+ 1				
1.5	Đơn vị được lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP khen thưởng, biểu dương về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức/Đơn vị, công chức, viên chức thực hiện tốt các nội dung quản lý, tiếp công dân được báo đài và các phương tiện truyền thông đăng tải biểu dương	+ 1				
1.6	Phối hợp tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC	+ 1				
1.7	Phối hợp chuyển giao TTHC cho đơn vị Bưu chính công ích tiếp nhận và trả kết quả (Mỗi lĩnh vực TTHC được cộng 0.5 điểm và tổng cộng không quá 01 điểm)	+ 1				
1.8	Các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố thuộc phạm vi phụ trách được các cơ quan trung ương đánh giá là mô hình sáng kiến, trực tiếp góp phần nâng số điểm hoặc tăng vị trí so với năm trước liền kề (mỗi nội dung tăng được cộng thêm 0,2 điểm nhưng tổng cộng không quá 1 điểm).	+ 1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
1.9	Thực hiện tốt 02 yêu cầu về công tác kiểm tra đột xuất: - Kiểm tra đột xuất về CCHC (tối thiểu 10% đơn vị); - Kiểm tra đột xuất về công vụ, việc thực hiện quy tắc ứng xử (tối thiểu 10% đơn vị/quý).	+ 1				
1.10	Hàng quý gửi ít nhất 01 bài viết/mô hình/sản phẩm tuyên truyền hiệu quả về công tác CCHC, cải cách TTHC về BCĐ CCHC Thành phố (cchc.snv@tphcm.gov.vn) (mỗi quý cộng 0.25 điểm).	+1				
1.11	Xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua chủ đề về CCHC; triển khai, đánh giá, khen thưởng và đề xuất khen thưởng	+ 1				
2	Điểm trừ					
2.1	Chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả đối với các nội dung bị trừ điểm trong đánh giá chỉ số CCHC của năm trước	-2				
2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC không đúng thời hạn quy định	- 1				
2.3	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC chênh lệch quá 3% so với điểm thẩm định	- 1				
2.4	Đơn vị hoặc lãnh đạo bị lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP phê bình về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức (Trừ 1 điểm/01 lần bị phê bình)	- 2				
2.5	Đơn vị có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, những nhiễu của công chức, viên chức thuộc cơ quan quản lý	- 1				
2.6	Đơn vị thực hiện không tốt các nội dung quản lý đề báo đài và các phương tiện	- 2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	truyền thông phản ánh đúng sự thật (mỗi bài báo trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)					
2.7	Không phối hợp hoặc phối hợp không tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC (mỗi lần hoặc nội dung là trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	- 2				
2.8	Không triển khai hoặc triển khai không hiệu quả các sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC thuộc cơ quan, đơn vị mình của các năm trước đã được UBND TP thông báo công nhận, mà không có lý do chính đáng	- 1				
2.9	Chưa ứng dụng thanh toán điện tử trong giải quyết TTHC đối với các TTHC có thu lệ phí	- 1				
III	TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC CCHC	20				
1	Đánh giá, nhận xét của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (Ban Thường trực và các đoàn thể thành viên)	10				Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố chấm
2	Đánh giá của đại biểu HĐND TP, lãnh đạo của các sở - ban - ngành và UBND quận - huyện và Thành phố Thủ Đức; Trưởng các phòng chuyên môn trực thuộc sở - ban - ngành, UBND các quận - huyện và Thành phố Thủ Đức; đối tượng khác phù hợp với đặc thù của đơn vị	10				Điều tra xã hội học: điều chỉnh đối tượng tham gia đánh giá
I + II + III		100				

*** Xếp hạng và xếp loại:**

- Đạt từ 90 điểm đến 100 điểm: Xếp loại **Xuất sắc**;
- Đạt từ 80 đến 90 điểm: Xếp loại **Tốt**;
- Đạt từ 70 đến dưới 80 điểm: Xếp loại **Khá**;
- Đạt từ 60 điểm dưới 70 điểm: Xếp loại **Trung bình**;
- Dưới 60 điểm: Xếp loại **Yếu**.



Phụ lục IID

Chỉ số đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính đối với các đơn vị sự nghiệp (Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố, Ban Quản lý dự án và đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp)
(Kèm theo Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	65				
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	12				
1.1	Kế hoạch CCHC năm	4				
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm đúng thời gian quy định	1				
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	1				
1.1.3	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong các kế hoạch	1				
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch. b là số nhiệm vụ đã hoàn thành. Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá là 0</i>					
1.1.4	Cập nhật tiến độ thực hiện kế hoạch cải cách hành chính trên Hệ thống Quản lý công tác cải cách hành chính TP.HCM theo quy định	1				
1.2	Thực hiện báo cáo công tác CCHC	4				
1.2.1	Thực hiện báo cáo CCHC định kỳ	2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định</i>	2				
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo</i>	0				
1.2.2	Thực hiện báo cáo đột xuất	2				
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định</i>	2				
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo</i>	0				
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2				
1.3.1	Tỷ lệ các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc được kiểm tra trong năm	1				
	<i>Đạt từ 40% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc trở lên</i>	1				
	<i>Đạt từ 30% đến dưới 40% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 30% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc</i>	0				
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1				
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) * 1 + (c/a) * 0.5$. Trong đó: <i>a</i> là tổng số vấn đề phải xử lý. <i>b</i> là số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý. <i>c</i> là số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành. Trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa.					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1				
1.4.1	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua trang điện tử của đơn vị (có chuyên mục riêng về cải cách hành chính)	0.5				
1.4.2	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác	0.5				
1.5	Thực hiện các nhiệm vụ về CCHC được Ủy ban nhân dân Thành phố (UBND TP), Chủ tịch UBND TP giao trong năm	1				
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao</i>	<i>1</i>				
	<i>Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% số nhiệm vụ được giao</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 80% số nhiệm vụ được giao</i>	<i>0</i>				
2	Cải cách thể chế	6				
2.1	Mức độ thực hiện đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) đã được UBND TP chấp thuận, danh mục VBQPPL quy định chi tiết đã được UBND TP phê duyệt	2				
	<i>Đạt từ 80% đến 100% số văn bản được ban hành đúng quy trình và đúng tiến độ hoặc các cơ quan, đơn vị không được giao chủ trì soạn thảo văn bản theo Danh mục văn bản</i>	<i>2</i>				
	<i>Đạt từ 80% đến 100% số văn bản được ban hành đúng quy trình nhưng chậm so với tiến độ</i>	<i>1.5</i>				
	<i>Đạt từ 50% đến dưới 80% số văn bản được ban hành đúng quy trình và đúng tiến độ</i>	<i>1</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Đạt từ 50% đến dưới 80% số văn bản được ban hành đúng quy trình nhưng chậm tiến độ</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 50% số văn bản ban hành hoặc không đề xuất danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân Thành phố (HĐND TP), UBND TP quy định chi tiết những nội dung được giao theo các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên</i>	0				
2.2	Kết quả tham mưu sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần, thay thế, ban hành mới, đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ nội dung văn bản QPPL sau rà soát	2				
	<i>Tính theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số văn bản cần phải xử lý.</i> <i>b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý.</i> <i>Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa</i>					
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	2				
	<i>Tính theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số văn bản cần phải xử lý.</i> <i>b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý.</i> <i>Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa</i>					
3	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	11				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
3.1	Thực hiện các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành và Thành phố về tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền đô thị	2				
3.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	2				
3.3	Thực hiện kiểm tra, rà soát, đánh giá định kỳ tình hình tổ chức và hoạt động của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc	3				
3.3.1	Tổ chức triển khai kiểm tra, rà soát, đánh giá định kỳ	1.5				
3.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1.5				
	Đạt 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	1				
	Đạt từ 80% đến dưới 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0.5				
	Đạt dưới 80% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0				
3.4	Thực hiện sắp xếp, tinh gọn đầu mối, nâng cao mức độ tự chủ, hiệu quả của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW	4				
3.4.1	Có sắp xếp, tinh gọn đầu mối đơn vị sự nghiệp công lập (trừ những cơ quan, đơn vị không có ĐVSNCL hoặc chỉ có 01 ĐVSNCL trực thuộc)	2				
3.4.2	Có nâng cao mức độ tự chủ, hiệu quả của đơn vị sự nghiệp công lập	2				
4	Cải cách chế độ công vụ	10				
4.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
4.1.1	Tỷ lệ cơ quan hành chính đã xây dựng cơ cấu ngạch và bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được Thành phố phê duyệt	1				
	Đạt 100% số cơ quan	1				
	Đạt từ 80% đến dưới 100% số cơ quan	0.5				
	Đạt từ 60% đến dưới 80% số đơn vị	0.25				
	Đạt dưới 60% số đơn vị	0				
4.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp trực thuộc có cơ cấu chức danh nghề nghiệp và bố trí viên chức theo vị trí việc làm được Thành phố phê duyệt	1				
	Đạt 100% số đơn vị	1				
	Đạt từ 80% đến dưới 100% số đơn vị	0.5				
	Đạt từ 60% đến dưới 80% số đơn vị	0.25				
	Đạt dưới 60% số đơn vị	0				
4.2	Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc	2				
4.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức	1				
	Đúng quy định	1				
	Không đúng quy định	0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
4.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức	1				
	<i>Đúng quy định</i>	1				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
4.3	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức	2				
4.4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	2				
4.5	Thực hiện tinh giản biên chế theo đề án được phê duyệt	1				
	<i>Đạt 100% kế hoạch</i>	1				
	<i>Đạt từ 70% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 70% kế hoạch</i>	0				
4.6	Cán bộ, công chức, viên chức tham dự các lớp đào tạo bồi dưỡng đạt yêu cầu vào cuối khóa học do Sở Nội vụ tổ chức	1				
	<i>Đạt từ 80% đến 100%</i>	1				
	<i>Đạt dưới 80%</i>	0				
5	Cải cách tài chính công	11.5				
5.1	Xây dựng, công khai dự toán và quyết toán tài chính hàng năm theo quy định	2				
	<i>Thực hiện đúng quy định, đảm bảo thời gian và nội dung báo cáo theo hướng dẫn</i>	2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Thực hiện đúng nhưng báo cáo chậm trễ thời gian quy định hoặc báo cáo nội dung không đầy đủ chưa đạt yêu cầu</i>	1				
	<i>Không thực hiện hoặc có sai phạm về công tác tài chính</i>	0				
5.2	Báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập	1				
5.3	Tiết kiệm kinh phí tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức	1				
5.4	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	3				
	$\frac{\text{tỷ lệ \% giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước} \times 3.00}{100\%}$					
5.5	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	2				
	<i>Đạt 100% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	2				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	1				
	<i>Từ 80% đến dưới 90% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	0.5				
	<i>Dưới 80% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	0				
5.6	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2.5				
5.6.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Ban hành kịp thời, đúng quy định quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý</i>	0.5				
	<i>100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành</i>	0.5				
	<i>Ban hành chậm trễ, không đúng quy định quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý</i>	0				
	<i>Dưới 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành</i>	0				
5.6.2	Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	0.75				
	<i>Có kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0.25				
	<i>100% cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0.25				
	<i>Đã rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công</i>	0.25				
	<i>Không kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0				
	<i>Có cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0				
	<i>Không rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công</i>	0				
5.6.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0.75				
	<i>100% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0.75				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0.5				
	<i>Từ 60% - dưới 80% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0.25				
	<i>Dưới 60% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0				
6	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	14.5				
6.1	Xây dựng Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh	1				
	<i>Ban hành đúng thời hạn</i>	1				
	<i>Ban hành trễ hoặc không ban hành</i>	0				
6.2	Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu	1				
	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố (LGSP HCM) <i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{Điểm tối đa}$. Trong đó : a là tổng số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung b là số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối sử dụng qua LGSP</i>					
6.3	Mức độ sử dụng thư điện tử công việc	2.5				
6.3.1	Tỷ lệ sử dụng thư điện tử tại đơn vị	2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Đạt 100%</i>	2				
	<i>Đạt từ 90% đến dưới 100%</i>	1				
	<i>Đạt dưới 90%</i>	0				
6.3.2	Mức độ quản lý thư điện tử tại đơn vị	0.5				
6.3	Phát triển ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ và phục vụ người dân, tổ chức	6				
6.3.1	Đạt tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo Kế hoạch Cải cách hành chính năm của Thành phố	2				
6.3.2	Hệ thống theo dõi việc xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân thông qua Tổng đài 1022	1				
	<i>Xử lý ý kiến của người dân, tổ chức và doanh nghiệp đạt 100%</i>	1				
	<i>Đạt 100% nhưng không đảm bảo tiến độ giải quyết theo quy định</i>	0.5				
6.3.3	Đảm bảo An toàn thông tin	1				
	<i>Đảm bảo theo quy định</i>	1				
	<i>Chưa đảm bảo</i>	0				
6.3.4	Thực hiện báo cáo chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh (DTI)	1				
	<i>Số lượng báo cáo</i>	0.5				
	<i>Thời gian gửi báo cáo</i>	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
6.3.5	Cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của đơn vị	1				
	Đạt từ 80% đến 100% thông tin được cung cấp theo quy định của Nghị định 42/2022/NĐ-CP	1				
	Đạt dưới 80% thông tin được cung cấp theo quy định của Nghị định 42/2022/NĐ-CP	0				
6.4	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	3				
6.4.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định	1				
	<i>Bản công bố được thông báo bằng văn bản đến Sở Khoa học và Công nghệ</i>	0.5				
	<i>Niêm yết tại trụ sở cơ quan và công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định</i>	0.5				
6.4.2	Thực hiện áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định	2				
	<i>Có ban hành Kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 và có bằng chứng về (1) phân tích bối cảnh, (2) nhận diện, đánh giá, xử lý rủi ro và cơ hội của năm đánh giá</i>	0.5				
	<i>Có ban hành Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng, Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng và Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng của năm đánh giá</i>	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	Thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ và họp xem xét lãnh đạo theo yêu cầu của ISO 9001:2015 trong năm đánh giá	0.5				
	Thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp của ISO 9001:2015 sau đánh giá nội bộ, xem xét lãnh đạo và theo biên bản kiểm tra, giám sát của Đoàn kiểm tra (nếu có)	0.5				
6.5	Phối hợp xây dựng, vận hành hệ thống thông tin báo cáo	1				
	Có thực hiện	1				
	Không thực hiện hoặc thực hiện không đảm bảo theo yêu cầu	0				
II	ĐIỂM THƯỞNG, ĐIỂM TRỪ TRONG CÔNG TÁC CCHC (Điểm cộng tối đa 05 điểm. Riêng điểm trừ sau khi trừ hết 05 điểm, sẽ tiếp tục trừ điểm vào điểm tổng để phân loại, xếp hạng)					
1	Điểm thưởng	+ 5				
1.1	Đánh giá, nhân rộng và thực hiện hiệu quả sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC của cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc hoặc sáng kiến của cơ quan được UBND Thành phố, BCĐ CCHC Thành phố công nhận	+ 1				
1.2	Đạt giải của Giải thưởng Sáng tạo Thành phố trong năm đánh giá	+ 1				
1.3	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC (thực hiện đầy đủ 04 nội dung): - Đề nghị thay đổi thành viên BCĐ CCHC Thành phố (đối với cơ quan là thành viên BCĐ CCHC TP); báo cáo thay đổi thành viên BCĐ và đề nghị cung cấp mật mã sử dụng Hệ thống quản lý công tác CCHC Thành phố (tất cả các cơ quan) kịp thời. - Kien toan BCĐ CCHC của cơ quan, đơn vị kịp thời.	+ 1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	- Tổ chức họp BCĐ CCHC của cơ quan, đơn vị đầy đủ (ít nhất 04 kỳ/năm). - Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác CCHC và có khen thưởng cá nhân, tập thể.					
1.4	Đơn vị được lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP khen thưởng, biểu dương về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức/Đơn vị, công chức, viên chức thực hiện tốt các nội dung quản lý, tiếp công dân được báo đài và các phương tiện truyền thông đăng tải biểu dương	+ 1				
1.5	Phối hợp tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC	+ 1				
1.6	Các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố thuộc phạm vi phụ trách có số điểm tăng so với năm trước liền kề (mỗi nội dung tăng hoặc giữ nguyên điểm của năm trước liền kề (đối với nội dung số điểm đã đạt tối đa) được cộng thêm 0,2 điểm nhưng tổng cộng không quá 2 điểm). (Áp dụng đối với các sở, ban, ngành có trách nhiệm quản lý ngành, lĩnh vực có tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố như: Văn phòng UBND TP, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư...)	+ 2				
1.7	Phối hợp chuyển giao TTHC cho đơn vị Bưu chính công ích tiếp nhận và trả kết quả (Mỗi lĩnh vực TTHC được cộng 0.5 điểm và tổng cộng không quá 01 điểm)	+ 1				
1.8	Các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố thuộc phạm vi phụ trách được các cơ quan trung ương đánh giá là mô hình sáng kiến, trực tiếp góp phần nâng số điểm hoặc tăng vị trí so với năm trước liền kề (mỗi nội dung tăng được cộng thêm 0,2 điểm nhưng tổng cộng không quá 1 điểm).	+ 1				
1.9	Thực hiện tốt 02 yêu cầu về công tác kiểm tra đột xuất:	+ 1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	- Kiểm tra đột xuất về CCHC (tối thiểu 10% đơn vị); - Kiểm tra đột xuất về công vụ, việc thực hiện quy tắc ứng xử (tối thiểu 10% đơn vị/quý).					
1.10	Hàng quý gửi ít nhất 01 bài viết/mô hình/sản phẩm tuyên truyền hiệu quả về công tác CCHC, cải cách TTHC về BCD CCHC Thành phố (cchc.snv@tphcm.gov.vn) (mỗi quý cộng 0.25 điểm).	+1				
1.11	Xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua chủ đề về CCHC; triển khai, đánh giá, khen thưởng và đề xuất khen thưởng	+ 1				
2	Điểm trừ					
2.1	Chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả đối với các nội dung bị trừ điểm trong đánh giá chỉ số CCHC của năm trước	-2				
2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC không đúng thời hạn quy định	- 1				
2.3	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC chênh lệch quá 3% so với điểm thẩm định	- 1				
2.4	Đơn vị hoặc lãnh đạo bị lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP phê bình về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức (Trừ 1 điểm/01 lần bị phê bình)	- 2				
2.5	Đơn vị có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, những nhiễu của công chức, viên chức thuộc cơ quan quản lý	- 1				
2.6	Đơn vị thực hiện không tốt các nội dung quản lý để báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật (mỗi bài báo trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	- 2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
2.7	Không phối hợp hoặc phối hợp không tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC (mỗi lần hoặc nội dung là trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	- 2				
2.8	Không triển khai hoặc triển khai không hiệu quả các sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC thuộc cơ quan, đơn vị mình của các năm trước đã được UBND TP thông báo công nhận, mà không có lý do chính đáng	- 1				
2.9	Các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố thuộc phạm vi phụ trách có số điểm hoặc vị trí giảm so với năm trước liền kề (mỗi nội dung giảm bị trừ 0.2 điểm nhưng tổng cộng không bị trừ quá 2 điểm). (Áp dụng đối với các sở, ban, ngành có trách nhiệm quản lý ngành, lĩnh vực có tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố như: Văn phòng UBND TP, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư...)	- 2				
III	TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC CCHC	30				
1	Đánh giá, nhận xét của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (Ban Thường trực và các đoàn thể thành viên)	10				Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố chấm
2	Đánh giá của đại biểu HĐND TP, lãnh đạo của các sở - ban - ngành và UBND quận - huyện và Thành phố Thủ Đức; Trưởng các phòng chuyên môn trực thuộc sở - ban - ngành, UBND các quận - huyện và Thành phố Thủ Đức; đối tượng khác phù hợp với đặc thù của đơn vị	20				Điều tra xã hội học
I + II + III		100				

*** Xếp hạng và xếp loại:**

- Đạt từ 90 điểm đến 100 điểm: Xếp loại **Xuất sắc**;
- Đạt từ 80 đến dưới 90 điểm: Xếp loại **Tốt**;
- Đạt từ 70 đến dưới 80 điểm: Xếp loại **Khá**;
- Đạt từ 60 điểm dưới 70 điểm: Xếp loại **Trung bình**;
- Dưới 60 điểm: Xếp loại **Yếu**.



Phụ lục III

Chỉ số đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính đối với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận - huyện
(Kèm theo Quyết định số **3494** /QĐ-UBND ngày **19** tháng **8** năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	75				
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	9.5				
1.1	Kế hoạch CCHC năm	2				
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời và đảm bảo chất lượng	1				
1.1.2	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong các kế hoạch	1				
	Tính điểm $2 + m$ theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: <i>a</i> là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch. <i>b</i> là số nhiệm vụ đã hoàn thành. Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá là 0	1				
1.2	Thực hiện báo cáo công tác CCHC	3				
1.2.1	Thực hiện báo cáo CCHC định kỳ					
	Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 2.00	2				
	Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo: 0					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
1.2.2	Thực hiện báo cáo đột xuất	1				
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 1.00</i>					
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo: 0</i>					
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2				
1.3.1	Tỷ lệ các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc được kiểm tra trong năm	1				
	<i>Đạt từ 40% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc trở lên</i>	1				
	<i>Đạt từ 30% đến dưới 40% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 30% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc</i>	0				
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1				
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a)*1 + (c/a)*0.5$. Trong đó:</i> <i>a là tổng số vấn đề phải xử lý.</i> <i>b là số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý.</i> <i>c là số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành.</i> <i>Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa.</i>					
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1.5				
1.4.1	Có ban hành Kế hoạch tuyên truyền/Văn bản chỉ đạo tuyên truyền về công tác cải cách hành chính hàng năm	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
1.4.2	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua trang điện tử của đơn vị (có chuyên mục riêng về cải cách hành chính)</i>	0.5				
1.4.3	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác: 0.50</i>	0.5				
1.5	Đối thoại của lãnh đạo địa phương với người dân, doanh nghiệp	1				
1.5.1	<i>Có từ 02 - 03 cuộc đối thoại/diễn đàn được tổ chức trong năm</i>	0.25				
1.5.2	<i>Ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc đối thoại/diễn đàn</i>	0.25				
1.5.3	<i>Mức độ xử lý đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp đạt từ 80% trở lên</i>	0.5				
2	Cải cách thể chế	6				
2.1	Mức độ thực hiện đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) đã được UBND TP chấp thuận, danh mục VBQPPL quy định chi tiết đã được UBND TP phê duyệt	2				
	Đạt từ 80% đến 100% số văn bản được ban hành đúng quy trình và đúng tiến độ hoặc các cơ quan, đơn vị không được giao chủ trì soạn thảo văn bản theo Danh mục văn	2				
	Đạt từ 80% đến 100% số văn bản được ban hành đúng quy trình nhưng chậm so với tiến độ	1.5				
	Đạt từ 50% đến dưới 80% số văn bản được ban hành đúng quy trình và đúng tiến độ	1				
	Đạt từ 50% đến dưới 80% số văn bản được ban hành đúng quy trình nhưng chậm tiến độ	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	Đạt dưới 50% số văn bản ban hành hoặc không đề xuất danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân Thành phố (HĐND TP), UBND TP quy định chi tiết những nội dung được giao theo các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên	0				
2.2	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật	1				
2.2.1	Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	0.25				
	<i>Kịp thời, đúng quy định</i>	0.25				
	<i>Không kịp thời hoặc không đúng quy định</i>	0				
2.2.2	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần, thay thế, ban hành mới, đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ nội dung VBQPPL sau rà soát	0.75				
	Tính theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$ Trong đó: a là tổng số văn bản cần phải xử lý. b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý. Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa	0.75				
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	1				
	Tính theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$ Trong đó: a là tổng số văn bản cần phải xử lý.	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý. Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa					
2.4	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	2				
2.4.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1				
2.4.1.1	Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật	0.5				
2.4.1.2	Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật	0.5				
2.4.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1				
	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền	1				
	Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền	0				
3	Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)	16				
3.1	Triển khai nhiệm vụ cải cách TTHC	4				
3.1.1	Ban hành và thực hiện Kế hoạch kiểm soát TTHC	1.5				
	Kế hoạch đảm bảo yêu cầu về nội dung và thời hạn.	0.5				
	Kế hoạch không đảm bảo yêu cầu về nội dung và thời hạn	0				
	Hoàn thành từ 80% Kế hoạch trở lên	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Hoàn thành dưới 80% Kế hoạch</i>	0				
3.1.2	Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ: công khai TTHC, hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết; xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) về TTHC	1.5				
	<i>Trên 80% đơn vị được kiểm tra và trên 80% vấn đề hạn chế phát hiện qua kiểm tra được khắc phục</i>	1.5				
	<i>50% đến 80% đơn vị được kiểm tra và có 50% đến 80% vấn đề hạn chế phát hiện qua kiểm tra được khắc phục</i>	1				
	<i>Không đạt tỷ lệ trên</i>	0				
3.1.3	Thực hiện Báo cáo kiểm soát TTHC	1				
	<i>Báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn</i>	1				
	<i>Báo cáo thiếu, trễ thời hạn</i>	0				
3.2	Kiểm soát quy định TTHC	1				
3.2.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	0.5				
	<i>Không ban hành TTHC trái thẩm quyền</i>	0.5				
	<i>Có TTHC ban hành trái thẩm quyền</i>	0				
3.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát ban hành TTHC	0.5				
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0				
3.3	Công khai TTHC, kết quả giải quyết hồ sơ	2				
3.3.1	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa	0.5				
	<i>Đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
3.3.2	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận trên trang thông tin điện tử của đơn vị	0.5				
	<i>Đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
3.3.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Trang thông tin điện tử của đơn vị và Hệ thống thông tin một cửa điện tử Thành phố	1				
	<i>Đạt tỷ lệ 100% hồ sơ</i>	1				
	<i>Dưới 100%</i>	0				
3.4	Rà soát, đánh giá, đề xuất đơn giản hóa TTHC	1				
3.4.1	Đơn giản hóa TTHC về quy trình, thời gian, thành phần hồ sơ	0.5				
	<i>Có thực hiện</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện</i>	0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
3.4.2	Có kiến nghị cải cách TTHC, kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC được chấp thuận (tại văn bản đề xuất phương án đơn giản hóa của Thành phố) (quy trình, thời gian, thành phần hồ sơ, thẩm quyền, liên thông, kết hợp TTHC/nhóm TTHC)	0.5				
	<i>Có thực hiện</i>	0.5				
	<i>Không thực hiện</i>	0				
3.5	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	8				
3.5.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa (không bao gồm trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP)	1				
	<i>Đạt tỷ lệ 100% số TTHC</i>	1				
	<i>Dưới 100% số TTHC</i>	0				
3.5.2	TTHC ngành dọc thực hiện tiếp nhận tại BPMC các cấp theo DM được phê duyệt	1				
	<i>80% số TTHC trở lên</i>	1				
	<i>60% đến dưới 80% số TTHC</i>	0.5				
	<i>Dưới 60% số TTHC</i>	0				
3.5.3	Số TTHC/nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp, khác cấp	0.5				
	<i>Từ 50 TTHC/Nhóm TTHC trở lên</i>	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Dưới 50 TTHC/nhóm TTHC</i>	0				
3.5.4	Thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết TTHC tuân thủ đúng quy trình nội bộ đã được Chủ tịch UBND Thành phố phê duyệt	0.5				
	<i>Tuân thủ quy trình</i>	0.5				
	<i>Không tuân thủ quy trình (trừ các trường hợp đơn vị áp dụng giải pháp cải cách như đơn giản thành phần, rút ngắn thời gian giải quyết...)</i>	0				
3.5.5	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	1.5				
	Giải quyết đúng hạn từ 98% đến 100% hồ sơ và không có lĩnh vực nào dưới 95% tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 1.5}{100\%}$					
	<i>Giải quyết đúng hạn dưới 98% hồ sơ hoặc có lĩnh vực dưới 95%</i>	0				
3.5.6	Thực hiện “Thư xin lỗi” trong trường hợp trả kết quả hồ sơ trễ hạn	1				
	<i>Thực hiện đúng quy định</i>	1				
	<i>Thực hiện không đúng quy định</i>	0				
3.5.7	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của các quận - huyện	1				
	<i>Đạt điểm xếp loại xuất sắc</i>	1				
	<i>Đạt điểm xếp loại tốt</i>	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Đạt điểm xếp loại khá</i>	0.75				
	<i>Đạt điểm xếp loại trung bình</i>	0.25				
3.5.8	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc thực hiện TTHC của đơn vị	1.5				
	<i>100% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định</i>	1.5				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định</i>	1				
	<i>Dưới 90% PAKN được xử lý/kiến nghị xử lý đúng quy định</i>	0				
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	9				
4.1	Thực hiện các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành và Thành phố về tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền đô thị	1				
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	1				
4.3	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước tại địa phương	3				
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực do Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tại địa phương	1				
4.3.2	Đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định phân cấp quản lý nhà nước kịp thời	1				
4.3.3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ được phân cấp tại địa phương	1				
	<i>Đạt 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 80% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0				
4.4	Thực hiện các quy định về ủy quyền quản lý tại địa phương	3				
4.4.1	Thực hiện các quy định về ủy quyền quản lý nhà nước do cơ quan cấp trên ủy quyền	1				
4.4.2	Đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành các quy định ủy quyền quản lý nhà nước tại địa phương kịp thời	1				
4.4.3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ được ủy quyền và các nhiệm vụ đã ủy quyền cho các đơn vị thuộc, trực thuộc và UBND cấp xã	1				
	<i>Đạt 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	1				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 80% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0				
4.5	Thực hiện sắp xếp, tinh gọn đầu mối, nâng cao mức độ tự chủ, hiệu quả của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW	1				
4.5.1	<i>Có sắp xếp, tinh gọn đầu mối đơn vị sự nghiệp công lập</i>	0.5				
4.5.2	<i>Có nâng cao mức độ tự chủ, hiệu quả của đơn vị sự nghiệp công lập</i>	0.5				
5	Cải cách chế độ công vụ	11.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2				
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan hành chính đã xây dựng cơ cấu ngạch và bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được Thành phố phê duyệt	1				
	<i>Đạt 100% số cơ quan</i>	1				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số cơ quan</i>	0.5				
	<i>Đạt từ 60% đến dưới 80% số đơn vị</i>	0.25				
	<i>Đạt dưới 60% số đơn vị</i>	0				
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp trực thuộc có cơ cấu chức danh nghề nghiệp và bố trí viên chức theo vị trí việc làm được Thành phố phê duyệt	1				
	<i>Đạt 100% số đơn vị</i>	1				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số đơn vị</i>	0.5				
	<i>Đạt từ 60% đến dưới 80% số đơn vị</i>	0.25				
	<i>Đạt dưới 60% số đơn vị</i>	0				
5.2	Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc	1				
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức (kể cả công chức làm việc tại phường)	0.5				
	<i>Đúng quy định</i>	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức	0.5				
	<i>Đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
5.3	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1				
5.4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	2				
5.5	Thực hiện tinh giản biên chế theo đề án được phê duyệt	1				
	<i>Đạt 100% kế hoạch</i>	1				
	<i>Đạt từ 70% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 70% kế hoạch</i>	0				
5.6	Cán bộ, công chức, viên chức tham dự các lớp đào tạo bồi dưỡng đạt yêu cầu vào cuối khóa học do Sở Nội vụ tổ chức (kể cả công chức làm việc tại phường)	1				
	<i>Đạt từ 80% đến 100%</i>	1				
	<i>Đạt dưới 80%</i>	0				
5.7	Cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn	3.5				
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn Riêng cán bộ phường được xác định là: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Trưởng các	1.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	đoàn thể chính trị - xã hội phường.					
	Đạt 100 % số cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn đạt chuẩn	1.5				
	Đạt từ 80% đến dưới 100% số cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn đạt chuẩn	1				
	Đạt dưới 80% số cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn đạt chuẩn đạt chuẩn	0				
5.7.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	2				
	Đạt từ 70% số cán bộ phường, công chức xã, thị trấn trở lên	2				
	Đạt từ 50% đến dưới 70% số cán bộ phường, công chức xã, thị trấn	1				
	Đạt dưới 50% số cán bộ phường, công chức xã, thị trấn	0				
6	Cải cách tài chính công	8.5				
6.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước	2				
6.1.1	Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện đúng, đầy đủ quy chế chi tiêu nội bộ	1				
6.1.2	Báo cáo đánh giá hiệu quả của việc triển khai thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm	0.5				
6.1.3	Tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức	0.5				
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập	2.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập của quận - huyện triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính	1				
	Đạt 100% số đơn vị	1				
	Đạt từ 90% đến dưới 100% số đơn vị	0.5				
	Đạt từ 80% đến dưới 90% số đơn vị	0.25				
	Đạt dưới 80% số đơn vị	0				
6.2.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập của quận, huyện ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai thực hiện cơ chế	0.5				
	Đạt 100% số đơn vị	0.5				
	Đạt dưới 100% số đơn vị	0				
6.2.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập của quận, huyện có tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho công chức, viên chức	0.5				
	Đạt 100% số đơn vị	0.5				
	Đạt dưới 100% số đơn vị do có đơn vị mới được thành lập trong năm (không có kinh phí tiết kiệm do chưa được giao tự chủ tài chính)	0.25				
	Đạt dưới 100% số đơn vị do có đơn vị không có tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho các bộ, công chức, viên chức	0				
6.2.4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Số đơn vị có tăng hoặc ổn định so với năm trước</i>	0.5				
	<i>Số đơn vị giảm so với năm trước</i>	0				
6.3	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	1				
	$\frac{\text{tỷ lệ \% giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước} \times 1.00}{100\%}$					
6.4	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1				
	<i>Đạt 100% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	1				
	<i>Từ 90% đến dưới 100% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	0.5				
	<i>Từ 80% đến dưới 90% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	0.25				
	<i>Dưới 80% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị</i>	0				
6.5	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2				
6.5.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0.5				
	<i>Ban hành kịp thời, đúng quy định quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý</i>	0.5				
	<i>100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành</i>	0.25				
	<i>Ban hành chậm trễ, không đúng quy định quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của</i>	0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý</i>					
	<i>Dưới 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành</i>	0				
6.5.2	Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:	0.75				
	<i>Có kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0.25				
	<i>100% cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0.25				
	<i>Đã rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công</i>	0.25				
	<i>Không kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0				
	<i>Có cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công</i>	0				
	<i>Không rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công</i>	0				
6.5.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0.75				
	<i>100% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0.75				
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0.5				
	<i>Từ 60% - dưới 80% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0.25				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Dưới 60% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý</i>	0				
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	14.5				
7.1	Xây dựng Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh	0.5				
	Ban hành đúng thời hạn	0.5				
	Ban hành trễ hoặc không ban hành	0				
7.2	Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu	1				
	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Thành phố (LGSP HCM) <i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{Điểm tối đa}$. Trong đó : a là tổng số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung b là số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối sử dụng qua LGSP</i>					
7.3	Phát triển ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ và phục vụ người dân, tổ chức	9.5				
7.3.1	Vận hành Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính Thành phố	2				
	100% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành	2				
	80% đến dưới 100% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành	1				
	Dưới 80% các TTHC được UBND TP phê duyệt được thiết lập, vận hành	0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
7.3.2	Đảm bảo tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo Kế hoạch cải cách hành chính năm của Thành phố	2				
7.3.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1.5				
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVCTT toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến) b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT toàn trình</i>					
7.3.4	Thực hiện thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công Thành phố	1.5				
7.3.4.1	<i>Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến</i>	0.5				
7.3.4.2	<i>Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến b là số TTHC có phát sinh thanh toán trực tuyến</i>	0.5				
7.3.4.3	<i>Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i>	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
7.3.5	Hệ thống theo dõi việc xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân thông qua Tổng đài 1022	1				
	<i>Xử lý ý kiến của người dân, tổ chức và doanh nghiệp đạt 100%</i>	1				
	<i>Đạt 100% nhưng không đảm bảo tiến độ giải quyết theo quy định</i>	0.5				
7.3.6	Đảm bảo An toàn thông tin	0.5				
	<i>Đảm bảo theo quy định</i>	0.5				
	<i>Chưa đảm bảo</i>	0				
7.3.7	Thực hiện báo cáo chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh (DTI)	1				
7.3.7.1	<i>Số lượng báo cáo</i>	0.5				
7.3.7.2	<i>Thời gian gửi báo cáo</i>	0.5				
7.4	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	3				
7.4.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định	1				
7.4.1.1	<i>Bản công bố được thông báo bằng văn bản đến Sở Khoa học và Công nghệ</i>	0.5				
7.4.1.2	<i>Niêm yết tại trụ sở cơ quan và công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định</i>	0.5				
7.4.2	Thực hiện áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn	2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định					
7.4.2.1	Có ban hành Kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 và có bằng chứng về (1) phân tích bối cảnh, (2) nhận diện, đánh giá, xử lý rủi ro và cơ hội của năm đánh giá	0.5				
7.4.2.2	Có ban hành Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng, Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng và Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng của năm đánh giá	0.5				
7.4.2.3	Thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ và họp xem xét lãnh đạo theo yêu cầu của ISO 9001:2015 trong năm đánh giá	0.5				
7.4.2.4	Thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp của ISO 9001:2015 sau đánh giá nội bộ, xem xét lãnh đạo và theo biên bản kiểm tra, giám sát của Đoàn kiểm tra (nếu có)	0.5				
7.5	Phối hợp xây dựng, vận hành hệ thống thông tin báo cáo	0.5				
	Có thực hiện	0.5				
	Không thực hiện hoặc thực hiện không đảm bảo theo yêu cầu	0				
II	ĐIỂM THƯỞNG, ĐIỂM TRỪ TRONG CÔNG TÁC CCHC (Điểm cộng tối đa 05 điểm. Riêng điểm trừ sau khi trừ hết 05 điểm, sẽ tiếp tục trừ điểm vào điểm tổng để phân loại, xếp hạng)					
1	Điểm thưởng	+5				
1.1	Đánh giá, nhân rộng và thực hiện hiệu quả sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC của cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc hoặc sáng kiến của cơ quan được UBND Thành phố, BCĐ CCHC Thành phố công nhận	+ 1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
1.2	Giải quyết TTHC sớm hạn 30% hồ sơ TTHC của đơn vị	+ 1				
1.3	Đạt giải của Giải thưởng Sáng tạo Thành phố trong năm đánh giá	+ 1				
1.4	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC (thực hiện đầy đủ 04 nội dung): - Báo cáo thay đổi thành viên BCĐ CCHC và đề nghị cung cấp mật mã sử dụng Hệ thống quản lý công tác CCHC Thành phố của cơ quan, đơn vị kịp thời. của cơ quan, đơn vị kịp thời. - Kiện toàn BCĐ CCHC của cơ quan, đơn vị kịp thời. - Tổ chức họp BCĐ CCHC của cơ quan, đơn vị đầy đủ (ít nhất 04 kỳ/năm). - Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác CCHC và có khen thưởng cá nhân, tập thể.	+ 1				
1.5	Đơn vị được lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP khen thưởng, biểu dương về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức/Đơn vị, công chức, viên chức thực hiện tốt các nội dung quản lý, tiếp công dân được báo đài và các phương tiện truyền thông đăng tải biểu dương	+ 1				
1.6	Phối hợp tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC	+ 1				
1.7	Phối hợp chuyển giao TTHC cho đơn vị Bưu chính công ích tiếp nhận và trả kết quả (Mỗi lĩnh vực TTHC được cộng 0.5 điểm và tổng cộng không quá 01 điểm)	+ 1				
1.8	Các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố thuộc phạm vi phụ trách được các cơ quan trung ương đánh giá là mô hình sáng kiến, trực tiếp góp phần nâng số điểm hoặc tăng vị trí so với năm trước liền kề (mỗi nội dung tăng được cộng thêm 0,2 điểm nhưng tổng cộng không quá 1 điểm).	+ 1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
1.9	Thực hiện tốt 02 yêu cầu về công tác kiểm tra đột xuất: - Kiểm tra đột xuất về CCHC (tối thiểu 10% đơn vị); - Kiểm tra đột xuất về công vụ, việc thực hiện quy tắc ứng xử (tối thiểu 10% đơn vị/quý).	+ 1				
1.10	Hàng quý gửi ít nhất 01 bài viết/mô hình/sản phẩm tuyên truyền hiệu quả về công tác CCHC, cải cách TTHC về BCĐ CCHC Thành phố (cchc.snv@tphcm.gov.vn) (mỗi quý cộng 0.25 điểm).	+1				
2	Điểm trừ					
2.1	Chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả đối với các nội dung bị trừ điểm trong đánh giá chỉ số CCHC của năm trước	-2				
2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC không đúng thời hạn quy định	- 1				
2.3	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC chênh lệch quá 3% so với điểm thẩm định	- 1				
2.4	Đơn vị hoặc lãnh đạo bị lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP phê bình về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức (Trừ 1 điểm/01 lần bị phê bình)	- 2				
2.5	Đơn vị có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, những nhiễu của công chức, viên chức thuộc cơ quan quản lý	- 1				
2.6	Đơn vị thực hiện không tốt các nội dung quản lý đề báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật (mỗi bài báo trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	- 2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
2.7	Không phối hợp hoặc phối hợp không tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC (mỗi lần hoặc nội dung là trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	- 2				
2.8	Không triển khai hoặc triển khai không hiệu quả các sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC thuộc cơ quan, đơn vị mình của các năm trước đã được UBND TP thông báo công nhận, mà không có lý do chính đáng	- 1				
2.9	Chưa ứng dụng thanh toán điện tử trong giải quyết TTHC đối với các TTHC có thu lệ phí	- 1				
III	TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC CCHC	20				
1	Đánh giá, nhận xét của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (Ban Thường trực và các đoàn thể thành viên)	10				Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố chấm
2	Đánh giá của đại biểu HĐND TP, lãnh đạo của các sở - ban - ngành và UBND quận - huyện và Thành phố Thủ Đức; Trưởng các phòng chuyên môn trực thuộc sở - ban - ngành, UBND các quận - huyện và Thành phố Thủ Đức; đối tượng khác phù hợp với đặc thù của đơn vị	10				Điều tra xã hội học
I + II + III		100				

*** Xếp hạng và xếp loại:**

- Đạt từ 90 điểm đến 100 điểm: Xếp loại **Xuất sắc**;
- Đạt từ 80 đến dưới 90 điểm: Xếp loại **Tốt**;

- Đạt từ 70 đến dưới 80 điểm: Xếp loại **Khá**;
- Đạt từ 60 điểm dưới 70 điểm: Xếp loại **Trung bình**;
- Dưới 60 điểm: Xếp loại **Yếu**.



Phụ lục IV

**Chỉ số đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính đối với cơ quan ngành dọc trên địa bàn Thành phố đối với
Cục Thuế Thành phố, Kho bạc Nhà nước Thành phố, Ngân hàng Nhà nước - chi nhánh Thành phố,
Bảo hiểm xã hội Thành phố, Cục Hải quan Thành phố**

(Kèm theo Quyết định số 34.94/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	85				
1	Công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động CCHC	11				
1.1	Kế hoạch CCHC năm	3				
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời	1				
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	1				
1.1.3	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong các kế hoạch	1				
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch. b là số nhiệm vụ đã hoàn thành. Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá là 0</i>	1				
1.2	Thực hiện báo cáo công tác CCHC	4				
1.2.1	Thực hiện báo cáo CCHC định kỳ	2				
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 2</i>					
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>hạn gửi báo cáo: 0</i>					
1.2.2	Thực hiện báo cáo đột xuất	2				
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 1</i>					
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo: 0</i>					
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2				
1.3.1	Tỷ lệ các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc được kiểm tra trong năm	1				
	<i>Đạt từ 40% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc trở lên</i>	1				
	<i>Đạt từ 30% đến dưới 40% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 30% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc</i>	0				
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1				
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a)*1 + (c/a)*0.5$. Trong đó:</i> <i>a là tổng số vấn đề phải xử lý.</i> <i>b là số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý.</i> <i>c là số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành.</i> <i>Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa.</i>					
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1				
1.4.1	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua trang điện tử của đơn vị (có chuyên	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	mục riêng về cải cách hành chính)					
1.4.2	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác: 0.5	0.5				
1.5	Thực hiện các nhiệm vụ về CCHC được Ủy ban nhân dân Thành phố (UBND TP), Chủ tịch UBND TP giao trong năm	1				
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao</i>	<i>1</i>				
	<i>Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% số nhiệm vụ được giao</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 80% số nhiệm vụ được giao</i>	<i>0</i>				
2	Cải cách thể chế	7				
2.1	Thực hiện rà soát, hệ thống hóa các quy định, chính sách do UBND TP, cơ quan chủ quản cấp trên ban hành thuộc lĩnh vực quản lý	1				
	<i>Đạt 100% số văn bản được ban hành đúng quy trình và đúng tiến độ</i>	<i>1</i>				
	<i>Đạt 100% số văn bản được ban hành đúng quy trình nhưng chậm so với tiến độ</i>	<i>0.75</i>				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số văn bản được ban hành đúng quy trình và đúng tiến độ</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Đạt dưới 80% số văn bản được ban hành đúng quy trình nhưng chậm tiến độ</i>	<i>0</i>				
2.2	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	2				
	<i>Tính theo công thức: (b/a) *điểm tối đa</i> <i>Trong đó:</i>	<i>0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>a là tổng số văn bản cần phải xử lý.</i> <i>b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý.</i> <i>Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa</i>					
2.3	Tác động của cải cách đến thể chế, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành	4				Điều tra xã hội học
2.3.1	Vai trò của ngành đối với sự phát triển của thành phố	1				Điều tra xã hội học
2.3.2	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành	1.5				Điều tra xã hội học
2.3.3	Tính kịp thời trong tổ chức triển khai các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành	1.5				Điều tra xã hội học
3	Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)	19				
3.1	Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC theo yêu cầu của ngành	1				
	<i>Đảm bảo nội dung, thời hạn</i>	<i>1</i>				
	<i>Chưa đảm bảo nội dung hoặc thời hạn</i>	<i>0</i>				
3.2	Báo cáo kiểm soát TTHC đầy đủ, đúng thời hạn, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của ngành	1.5				
	<i>Báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn</i>	<i>1.5</i>				
	<i>Báo cáo thiếu, trễ thời hạn</i>	<i>0</i>				
3.3	Công khai TTHC	1.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
3.3.1	Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận Một cửa	0.5				
	<i>Đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
3.3.2	Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	0.5				
	<i>Đúng quy định</i>	0.5				
	<i>Không đúng quy định</i>	0				
3.3.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	0.5				
	<i>100% TTHC</i>	0.5				
	<i>Không đạt tỷ lệ trên</i>	0				
3.4	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	7				
3.4.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	1				
	<i>100% số TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận</i>	0.5				
	<i>Không đạt tỷ lệ trên</i>	0				
3.4.2	Phối hợp đưa TTHC ngành dọc thực hiện tiếp nhận tại Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã theo danh mục được phê duyệt	1				
	<i>Đầy đủ, đúng quy định</i>	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Không đầy đủ, không đúng quy định</i>	0				
3.4.3	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp hoặc liên thông giữa các cấp chính quyền	1				
	<i>Đạt tỷ lệ 100% TTHC hoặc nhóm TTHC</i>	1				
	<i>Từ 80% đến dưới 100% TTHC hoặc nhóm TTHC</i>	0.5				
	<i>Từ 50% đến dưới 80% TTHC hoặc nhóm TTHC</i>	0.25				
	<i>Dưới 50% TTHC hoặc nhóm TTHC</i>	0				
3.4.4	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	2				
	Giải quyết đúng hạn từ 98% đến 100% hồ sơ và không có lĩnh vực nào dưới 95% tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đúng hạn} \times 2}{100\%}$					
	<i>Dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn hoặc có lĩnh vực giải quyết đúng hạn dưới 90%</i>	0				
3.4.5	Thực hiện quy định về thư xin lỗi trong trường hợp giải quyết TTHC trễ hạn	1				
	<i>Thực hiện đúng quy định</i>	1				
	<i>Thực hiện không đúng quy định</i>	0				
3.4.6	Xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Dưới 100%</i>	<i>0</i>				
3.4.7	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	0.5				
	<i>100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định</i>	<i>0.5</i>				
	<i>Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định</i>	<i>0</i>				
3.5	Tác động của cải cách đến chất lượng quy định TTHC	8				Điều tra xã hội học
3.5.1	Mức độ rõ ràng, dễ hiểu về các quy định hồ sơ, trình tự thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước và thẩm quyền giải quyết của ngành	3				Điều tra xã hội học
3.5.2	Sự đơn giản, thuận tiện kê khai đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành	3				Điều tra xã hội học
3.5.3	Sự minh bạch, rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quy trình giải quyết TTHC do bộ/ngành chủ quản công bố	2				Điều tra xã hội học
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	12				
4.1	Thực hiện các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành và Thành phố về tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền đô thị	2				
4.2	Thực hiện kiểm tra, rà soát, đánh giá định kỳ tình hình tổ chức và hoạt động của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị	3				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
4.2.1	Tổ chức triển khai kiểm tra, rà soát, đánh giá định kỳ	2				
4.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1				
	<i>Đạt 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	1				
	<i>Đạt từ 80% đến dưới 100% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 80% số vấn đề được phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>	0				
4.3	Thực hiện phân cấp, ủy quyền quản lý theo ngành, lĩnh vực	3				
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực do cơ quan có thẩm quyền cấp trên phân cấp, ủy quyền	1				
4.3.2	Đề xuất Bộ, ngành Trung ương, UBND Thành phố sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định nội dung phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực kịp thời	1				
4.3.3	Đề xuất Bộ, ngành Trung ương, UBND Thành phố sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành các quy định nội dung ủy quyền quản lý nhà nước cho cấp dưới theo ngành, lĩnh vực kịp thời	1				
4.4	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	4				Điều tra xã hội học
4.4.1	Tình hình thực hiện quy chế làm việc của ngành phù hợp với quy định pháp luật và hiện trạng cơ cấu tổ chức, nhân sự	2				Điều tra xã hội học
4.4.2	Tính hợp lý trong việc phân cấp, ủy quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa ngành và các sở, ngành, địa phương	2				Điều tra xã hội học

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
5	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Riêng Công an Thành phố là cán bộ, chiến sĩ	10				
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2				
5.1.1	Xây dựng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm	1				
5.1.2	Tỷ lệ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được cơ quan cấp trên phê duyệt	1				
	<i>Đạt 100% công chức, viên chức có ngạch, hạng phù hợp với yêu cầu ngạch, hạng của vị trí việc làm được duyệt</i>	1				
	<i>Từ 80% đến dưới 100% công chức, viên chức có ngạch, hạng phù hợp với yêu cầu ngạch, hạng của vị trí việc làm được duyệt</i>	0.75				
	<i>Từ 70% - dưới 80% công chức, viên chức có ngạch, hạng phù hợp với yêu cầu ngạch, hạng của vị trí việc làm được duyệt</i>	0.5				
	<i>Từ dưới 80% công chức, viên chức có ngạch, hạng phù hợp với yêu cầu ngạch, hạng của vị trí việc làm được duyệt</i>	0				
5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức Riêng Công an Thành phố là cán bộ, chiến sĩ	2				
5.3	Thực hiện tinh giản biên chế theo đề án được phê duyệt	1				
	<i>Đạt 100% kế hoạch</i>	1				
	<i>Đạt từ 70% đến dưới 100% kế hoạch</i>	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
5.4	Tác động của cải cách đến quản lý công chức, viên chức	5				Điều tra xã hội học
5.4.1	Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	1				Điều tra xã hội học
5.4.2	Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ công chức của bộ	1				Điều tra xã hội học
5.4.3	Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1				Điều tra xã hội học
5.4.4	Tinh thần trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1				Điều tra xã hội học
5.4.5	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân	1				Điều tra xã hội học
6	Cải cách tài chính công	7.5				
6.1	Xây dựng, công khai dự toán và quyết toán tài chính hàng năm theo quy định	2				
	<i>Thực hiện công khai ngân sách đầy đủ</i>	<i>1</i>				
	<i>Chấp hành đúng các quy định về quản lý ngân sách</i>	<i>1</i>				
	<i>Không thực hiện đúng quy định về quản lý ngân sách bị cơ quan có thẩm quyền xử lý</i>	<i>0</i>				
6.2	Thực hiện tiết kiệm chi phí hành chính	1.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Tiết kiệm từ 10% trở lên</i>	1.5				
	<i>Tiết kiệm dưới 10%</i>	1				
6.3	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công	4				Điều tra xã hội học
6.3.1	Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công	2				Điều tra xã hội học
6.3.2	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập	2				Điều tra xã hội học
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	18.5				
7.1	Xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT phục vụ chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh	1.5				
	<i>Ban hành đúng thời hạn</i>	1.5				
	<i>Ban hành trễ hoặc không ban hành</i>	0				
7.2	Hệ thống theo dõi việc xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân thông qua Tổng đài 1022	4				
	<i>Xử lý ý kiến của người dân, tổ chức và doanh nghiệp đạt 100%</i>	4				
	<i>Đạt 100% nhưng không đảm bảo tiến độ giải quyết theo quy định</i>	2				
7.3	Đảm bảo An toàn thông tin	3				
	<i>Đảm bảo theo quy định</i>	3				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>Chưa đảm bảo</i>	0				
7.4	Thực hiện báo cáo chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh (DTI)	3				
7.4.1	Số lượng báo cáo	1,5				
7.4.2	Thời gian gửi báo cáo	1,5				
7.5	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	3				
7.5.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định	1				
7.5.1.1	<i>Bản công bố được thông báo bằng văn bản đến Sở Khoa học và Công nghệ</i>	0.5				
7.5.1.2	<i>Niêm yết tại trụ sở cơ quan và công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định</i>	0.5				
7.5.2	Thực hiện áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định	2				
7.5.2.1	<i>Có ban hành Kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 và có bằng chứng về (1) phân tích bối cảnh, (2) nhận diện, đánh giá, xử lý rủi ro và cơ hội của năm đánh giá</i>	0.5				
7.5.2.2	<i>Có ban hành Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng, Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng và Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng của năm đánh giá</i>	0.5				
7.5.2.3	<i>Thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ và họp xem xét lãnh đạo theo yêu cầu của</i>	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>ISO 9001:2015 trong năm đánh giá</i>					
7.5.2.4	<i>Thực hiện hành động khắc phục các điểm không phù hợp của ISO 9001:2015 sau đánh giá nội bộ, xem xét lãnh đạo và theo biên bản kiểm tra, giám sát của Đoàn kiểm tra (nếu có)</i>	0.5				
7.6	Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính	4				Điều tra xã hội học
7.6.1	Chất lượng xử lý công việc trên môi trường mạng giữa ngành và các sở, ngành, địa phương	2				Điều tra xã hội học
7.6.2	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO	2				Điều tra xã hội học
II	ĐIỂM THƯỞNG, ĐIỂM TRỪ TRONG CÔNG TÁC CCHC (Điểm cộng tối đa 05 điểm. Riêng điểm trừ sau khi trừ hết 05 điểm, sẽ tiếp tục trừ điểm vào điểm tổng để phân loại, xếp hạng)					
1	Điểm thưởng	+ 5				
1.1	Đánh giá, nhân rộng và thực hiện hiệu quả sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC của cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc hoặc sáng kiến của cơ quan được UBND Thành phố, BCD CCHC Thành phố công nhận	+ 1				
1.2	Giải quyết TTHC sớm hạn 30% hồ sơ TTHC của đơn vị	+ 1				
1.3	Đạt giải của Giải thưởng Sáng tạo Thành phố trong năm đánh giá	+ 1				
1.4	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC (thực hiện đầy đủ 04 nội dung): - Đề nghị thay đổi thành viên BCD CCHC Thành phố (đối với cơ quan là	+ 1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	thành viên BCD CCHC TP); báo cáo thay đổi thành viên BCD và đề nghị cung cấp mật mã sử dụng Hệ thống quản lý công tác CCHC Thành phố (tất cả các cơ quan) kịp thời. - Kiện toàn BCD CCHC của cơ quan, đơn vị kịp thời. - Tổ chức họp BCD CCHC của cơ quan, đơn vị đầy đủ (ít nhất 04 kỳ/năm). - Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác CCHC và có khen thưởng cá nhân, tập thể.					
1.5	Đơn vị được lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP khen thưởng, biểu dương về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức/Đơn vị, công chức, viên chức thực hiện tốt các nội dung quản lý, tiếp công dân được báo đài và các phương tiện truyền thông đăng tải biểu dương	+ 1				
1.6	Phối hợp tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC	+ 1				
1.7	Phối hợp chuyển giao TTHC cho đơn vị Bưu chính công ích tiếp nhận và trả kết quả (Mỗi lĩnh vực TTHC được cộng 0.5 điểm và tổng cộng không quá 01 điểm)	+ 1				
1.8	Các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố thuộc phạm vi phụ trách được các cơ quan trung ương đánh giá là mô hình sáng kiến, trực tiếp góp phần nâng số điểm hoặc tăng vị trí so với năm trước liền kề (mỗi nội dung tăng được cộng thêm 0,2 điểm nhưng tổng cộng không quá 1 điểm).	+ 1				
1.9	Thực hiện tốt 02 yêu cầu về công tác kiểm tra đột xuất: - Kiểm tra đột xuất về CCHC (tối thiểu 10% đơn vị); - Kiểm tra đột xuất về công vụ, việc thực hiện quy tắc ứng xử (tối thiểu 10% đơn vị/quý).	+ 1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
1.10	Hàng quý gửi ít nhất 01 bài viết/mô hình/sản phẩm tuyên truyền hiệu quả về công tác CCHC, cải cách TTHC về BCĐ CCHC Thành phố (cchc.snv@tphcm.gov.vn) (mỗi quý cộng 0.25 điểm).	+1				
1.11	Xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua chủ đề về CCHC; triển khai, đánh giá, khen thưởng và đề xuất khen thưởng	+ 1				
2	Điểm trừ					
2.1	Chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả đối với các nội dung bị trừ điểm trong đánh giá chỉ số CCHC của năm trước	-2				
2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC không đúng thời hạn quy định	- 1				
2.3	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC chênh lệch quá 3% so với điểm thẩm định	- 1				
2.4	Đơn vị hoặc lãnh đạo bị lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP phê bình về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức (Trừ 1 điểm/01 lần bị phê bình)	- 2				
2.5	Đơn vị có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu của công chức, viên chức thuộc cơ quan quản lý	- 1				
2.6	Đơn vị thực hiện không tốt các nội dung quản lý đề báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật (mỗi bài báo trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	- 2				
2.7	Không phối hợp hoặc phối hợp không tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC (mỗi lần hoặc nội dung là trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	- 2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
2.8	Không triển khai hoặc triển khai không hiệu quả các sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC thuộc cơ quan, đơn vị mình của các năm trước đã được UBND TP thông báo công nhận, mà không có lý do chính đáng	- 1				
2.9	Chưa ứng dụng thanh toán điện tử trong giải quyết TTHC đối với các TTHC có thu lệ phí	- 1				
III	TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC CCHC	10				
	Đánh giá, nhận xét của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (Ban Thường trực và các đoàn thể thành viên)	10				Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố chấm
I + II + III		100				

*** Xếp hạng và xếp loại:**

- Đạt từ 90 điểm đến 100 điểm: Xếp loại **Xuất sắc**;
- Đạt từ 80 đến dưới 90 điểm: Xếp loại **Tốt**;
- Đạt từ 70 đến dưới 80 điểm: Xếp loại **Khá**;
- Đạt từ 60 điểm dưới 70 điểm: Xếp loại **Trung bình**;
- Dưới 60 điểm: Xếp loại **Yếu**.



Phụ lục IVA

Chỉ số đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính đối với cơ quan ngành dọc trên địa bàn Thành phố đối với Công an Thành phố và Sở Ngoại vụ Thành phố

*(Kèm theo Quyết định số **34/94** /QĐ-UBND ngày **19** tháng **8** năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	85				
1	Công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động CCHC	11				
1.1	Kế hoạch CCHC năm	3				
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời	1				
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	1				
1.1.3	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong các kế hoạch	1				
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch. b là số nhiệm vụ đã hoàn thành. Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá là 0</i>	1				
1.2	Thực hiện báo cáo công tác CCHC	4				
1.2.1	Thực hiện báo cáo CCHC định kỳ	2				
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 2</i>					
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo: 0</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
1.2.2	Thực hiện báo cáo đột xuất	2				
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 1</i>					
	<i>Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo: 0</i>					
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2				
1.3.1	Tỷ lệ các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc được kiểm tra trong năm	1				
	<i>Đạt từ 40% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc trở lên</i>	1				
	<i>Đạt từ 30% đến dưới 40% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc</i>	0.5				
	<i>Đạt dưới 30% số phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc</i>	0				
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1				
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a)*1 + (c/a)*0.5$. Trong đó: a là tổng số vấn đề phải xử lý. b là số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý. c là số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành. Trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa.</i>					
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1				
1.4.1	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua trang điện tử của đơn vị (có chuyên mục riêng về cải cách hành chính)	0.5				
1.4.2	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác: 0.5	0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
1.5	Thực hiện các nhiệm vụ về CCHC được Ủy ban nhân dân Thành phố (UBND TP), Chủ tịch UBND TP giao trong năm	1				
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao</i>	1				
	<i>Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% số nhiệm vụ được giao</i>	0.5				
	<i>Hoàn thành dưới 80% số nhiệm vụ được giao</i>	0				
2	Cải cách thể chế	7				
	- Lấy 60%/tổng số điểm cơ quan chủ quản ngành dọc chấm cho tiêu chí này của đơn vị; - 40% điểm còn lại do Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố điều tra xã hội học.					
3	Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)	19				
	- Lấy 60%/tổng số điểm cơ quan chủ quản ngành dọc chấm cho tiêu chí này của đơn vị; - 40% điểm còn lại do Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố điều tra xã hội học.					
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	12				
	- Lấy 60%/tổng số điểm cơ quan chủ quản ngành dọc chấm cho tiêu chí này của đơn vị; - 40% điểm còn lại do Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố điều tra xã hội					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	<i>học.</i>					
5	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Riêng Công an Thành phố là cán bộ, chiến sĩ	10				
	<i>- Lấy 60%/tổng số điểm cơ quan chủ quản ngành dọc chấm cho tiêu chí này của đơn vị;</i> <i>- 40% điểm còn lại do Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố điều tra xã hội học.</i>					
6	Cải cách tài chính công	7.5				
	<i>- Lấy 60%/tổng số điểm cơ quan chủ quản ngành dọc chấm cho tiêu chí này của đơn vị;</i> <i>- 40% điểm còn lại do Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố điều tra xã hội học.</i>					
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	18.5				
	<i>- Lấy 60%/tổng số điểm cơ quan chủ quản ngành dọc chấm cho tiêu chí này của đơn vị;</i> <i>- 40% điểm còn lại do Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố điều tra xã hội học.</i>					
II	ĐIỂM THƯỜNG, ĐIỂM TRỪ TRONG CÔNG TÁC CCHC (Điểm cộng tối đa 05 điểm. Riêng điểm trừ sau khi trừ hết 05 điểm, sẽ tiếp tục trừ điểm vào điểm tổng để phân loại, xếp hạng)					
1	Điểm thưởng	+ 5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
1.1	Đánh giá, nhân rộng và thực hiện hiệu quả sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC của cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc hoặc sáng kiến của cơ quan được UBND Thành phố, BCĐ CCHC Thành phố công nhận	+ 1				
1.2	Giải quyết TTHC sớm hạn 30% hồ sơ TTHC của đơn vị	+ 1				
1.3	Đạt giải của Giải thưởng Sáng tạo Thành phố trong năm đánh giá	+ 1				
1.4	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC (thực hiện đầy đủ 04 nội dung): - Đề nghị thay đổi thành viên BCĐ CCHC Thành phố (đối với cơ quan là thành viên BCĐ CCHC TP); báo cáo thay đổi thành viên BCĐ và đề nghị cung cấp mật mã sử dụng Hệ thống quản lý công tác CCHC Thành phố (tất cả các cơ quan) kịp thời. - KIỆN TOÀN BCĐ CCHC của cơ quan, đơn vị kịp thời. - Tổ chức họp BCĐ CCHC của cơ quan, đơn vị đầy đủ (ít nhất 04 kỳ/năm). - Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác CCHC và có khen thưởng cá nhân, tập thể.	+ 1				
1.5	Đơn vị được lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP khen thưởng, biểu dương về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức/Đơn vị, công chức, viên chức thực hiện tốt các nội dung quản lý, tiếp công dân được báo đài và các phương tiện truyền thông đăng tải biểu dương	+ 1				
1.6	Phối hợp tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC	+ 1				
1.7	Phối hợp chuyển giao TTHC cho đơn vị Bưu chính công ích tiếp nhận và trả kết quả (Mỗi lĩnh vực TTHC được cộng 0.5 điểm và tổng cộng không quá 01 điểm)	+ 1				
1.8	Các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố thuộc phạm vi phụ trách được các cơ quan trung ương đánh giá là mô hình sáng kiến, trực	+ 1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	tiếp góp phần nâng số điểm hoặc tăng vị trí so với năm trước liền kề (mỗi nội dung tăng được cộng thêm 0,2 điểm nhưng tổng cộng không quá 1 điểm).					
1.9	Thực hiện tốt 02 yêu cầu về công tác kiểm tra đột xuất: - Kiểm tra đột xuất về CCHC (tối thiểu 10% đơn vị); - Kiểm tra đột xuất về công vụ, việc thực hiện quy tắc ứng xử (tối thiểu 10% đơn vị/quý).	+ 1				
1.10	Hàng quý gửi ít nhất 01 bài viết/mô hình/sản phẩm tuyên truyền hiệu quả về công tác CCHC, cải cách TTHC về BCĐ CCHC Thành phố (cchc.snv@tphcm.gov.vn) (mỗi quý cộng 0.25 điểm).	+1				
1.11	Xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua chủ đề về CCHC; triển khai, đánh giá, khen thưởng và đề xuất khen thưởng	+ 1				
2	Điểm trừ					
2.1	Chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả đối với các nội dung bị trừ điểm trong đánh giá chỉ số CCHC của năm trước	-2				
2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC không đúng thời hạn quy định	- 1				
2.3	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC chênh lệch quá 3% so với điểm thẩm định	- 1				
2.4	Đơn vị hoặc lãnh đạo bị lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP phê bình về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức (Trừ 1 điểm/01 lần bị phê bình)	- 2				
2.5	Đơn vị có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu của công chức, viên chức thuộc cơ quan quản lý	- 1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	UBND TP đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
2.6	Đơn vị thực hiện không tốt các nội dung quản lý đề báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật (mỗi bài báo trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	- 2				
2.7	Không phối hợp hoặc phối hợp không tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC (mỗi lần hoặc nội dung là trừ 0.25 điểm nhưng không trừ quá 2 điểm)	- 2				
2.8	Không triển khai hoặc triển khai không hiệu quả các sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC thuộc cơ quan, đơn vị mình của các năm trước đã được UBND TP thông báo công nhận, mà không có lý do chính đáng	- 1				
2.9	Chưa ứng dụng thanh toán điện tử trong giải quyết TTHC đối với các TTHC có thu lệ phí	- 1				
III	TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC CCHC	10				
	Đánh giá, nhận xét của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (Ban Thường trực và các đoàn thể thành viên)	10				Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố chấm
I + II + III		100				

*** Xếp hạng và xếp loại:**

- Đạt từ 90 điểm đến 100 điểm: Xếp loại **Xuất sắc**;
- Đạt từ 80 đến dưới 90 điểm: Xếp loại **Tốt**;
- Đạt từ 70 đến dưới 80 điểm: Xếp loại **Khá**;
- Đạt từ 60 điểm dưới 70 điểm: Xếp loại **Trung bình**;
- Dưới 60 điểm: Xếp loại **Yếu**.